

Số: 01 /BB-ĐHĐCĐ

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2022

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1 NĂM 2022**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 sửa đổi bổ sung và được quốc hội khóa XII thông qua ngày 24/11/2010 có hiệu lực từ ngày 01/7/2011;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần 28.1,

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp:** Công ty cổ phần 28.1
- Địa chỉ trụ sở chính:** Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp TP Hồ Chí Minh.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

- Thời gian:** 08h30 ngày 29/4/2022.
- Địa điểm :** Hội trường Công ty CP 28.1
Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp TP Hồ Chí Minh.

III. KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

- Cổ đông giữ phần vốn Nhà nước – Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28 - có 3 người làm đại diện giữ **3.161.201** cổ phần, chiếm 65% vốn điều lệ.

- Cổ đông cá nhân tham dự đại hội gồm **12** người giữ **583.600** cổ phần chiếm 12% vốn điều lệ. (Trong đó, công đoàn 30.000 chiếm cổ phần và tổng số cổ đông ủy quyền 138 người, tương ứng **966.465** cổ phần có quyền biểu quyết.)

Kết quả: Tổng số cổ đông tham gia Đại hội gồm **15** người, tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự Đại hội có quyền biểu quyết là **3.744.801** cổ phần, chiếm 77% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông. Đại hội đồng cổ đông đủ điều kiện tiến hành họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. (có Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo).

IV. THÔNG QUA QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Kết quả biểu quyết: Đại hội nhất trí thông qua Quy chế làm việc của Đại hội, Chương trình Đại hội với số phiếu tán thành tương ứng 3.744.801 cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

V. ĐOÀN CHỦ TỊCH, BAN THƯ KÝ, BAN KIỂM PHIẾU

A. Chủ tịch đoàn + Thư ký Đại hội:

- | | |
|----------------------|-----------------|
| 1. Nguyễn Trường Sơn | - Chủ tịch đoàn |
| 2. Trần Doãn Thoan | - Chủ tịch đoàn |
| 3. Nguyễn Văn Tài | - Chủ tịch đoàn |
| 4. Tăng Hùng | - Thư ký |

B. Ban kiểm phiếu

- | | |
|-------------------------|----------------|
| 1. Nguyễn Văn Hưng | Trưởng ban |
| 2. Phan Trần Minh Thuận | Ủy viên |
| 3. Trần Thị Hằng | Ủy viên Thư ký |

+ **Kết quả biểu quyết:** Đại hội nhất trí thông qua bầu Chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu của Đại hội với số phiếu tán thành tương ứng 3.744.801 cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

VI. NỘI DUNG VÀ DIỄN TIẾN ĐẠI HỘI

1. Ông Nguyễn Trường Sơn – Chủ tịch HĐQT Công ty CP 28.1 thông qua Chương trình Đại hội; Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị về tình hình quản trị công ty năm 2021, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022.

Kết quả biểu quyết: Đại hội nhất trí thông qua chương trình đại hội và báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị với số phiếu tán thành tương ứng 3.744.801 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

2. Ông Trần Doãn Thoan – Giám đốc Công ty Báo cáo kết quả SXKD năm 2021, Kế hoạch SXKD năm 2022. Báo cáo kết quả thực hiện kiểm toán; Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán. Cụ thể như sau:

Kết quả SXKD năm 2021:

- Doanh thu	:	141 tỷ đồng
- GTGCCB	:	52 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	-13 tỷ đồng
- TNBQ/người/tháng	:	8,3 tr đồng

Kế hoạch SXKD năm 2022:

- Doanh thu	:	251 tỷ đồng
- GTGCCB	:	82 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	50 tr đồng
- TNBQ/người/tháng	:	9,4 tr đồng

Kết quả biểu quyết: Đại hội nhất trí thông qua các báo cáo do ông Trần Doãn Thoan vừa báo cáo tại đại hội với số phiếu tán thành tương ứng **3.744.801** cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

3. Ông Nguyễn Thanh Định – Thành viên Ban kiểm soát Báo cáo của Ban Kiểm soát ngày 31/3/2022 về tình hình thẩm định năm 2021 và KH năm 2022;

Kết quả biểu quyết: Đại hội nhất trí nội dung báo cáo của Ban kiểm soát do ông Nguyễn Thanh Định báo cáo tại đại hội, với số phiếu tán thành tương ứng **3.744.801** cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

4. Ông Trần Doãn Thoan – Giám đốc Công ty thông qua các nội dung sau:

4.1. Tờ trình Báo cáo Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022;

Chế độ chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị:

+ Chủ tịch HĐQT : 1.215.000 đồng/tháng
+ Thành viên HĐQT : 1.000.000 đồng/tháng

Chế độ chi trả thù lao cho Ban kiểm soát:

+ Trưởng ban : 500.000 đồng/tháng
+ Thành viên : 250.000 đồng/tháng

4.2. Tờ trình Báo cáo lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 gồm một trong 3 Công ty sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt nam (VAE)
- Công ty TNHH Hằng kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

4.3. Tờ trình về việc báo cáo xem xét nhân sự từ nhiệm và đề cử nhân sự bổ sung thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

Kết quả biểu quyết: Đại hội nhất trí thông qua phương án chế độ chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022; nhất trí ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022, với số phiếu tán thành tương ứng **3.744.801** cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

5. Ông Nguyễn Văn Tài – Phó Giám đốc Công ty

5.1. Thông qua Tờ trình xem xét nhân sự từ nhiệm; đề cử nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT và điều hành bầu cử:

Nhân sự từ nhiệm HĐQT	Nhân sự bầu bổ sung HĐQT
Ông Nguyễn Quyết Thắng Ông Nguyễn Vĩnh Long Ông Nguyễn Văn Tài Ông Vũ Sỹ Nam	Ông Trần Doãn Thoan Ông Nguyễn Thiện

5.2. Công tác đề cử, ứng cử:

+ Đại hội tiến hành đề cử ông Trần Doãn Thoan (Sinh ngày 07/10/1968; đại diện sở hữu 790.300 cổ phần Nhà nước) vào danh sách bầu bổ sung thành viên HĐQT.

+ Đại hội tiến hành đề cử ông Nguyễn Thiện (Sinh ngày 05/10/1985; đại diện sở hữu 632.240 cổ phần Nhà nước) vào danh sách bầu bổ sung thành viên HĐQT.

Kết quả biểu quyết: Đại hội nhất trí thông qua danh sách từ nhiệm và đề cử thành viên hội đồng quản trị do ông Nguyễn Văn Tài vừa trình đại hội với số phiếu tán thành tương ứng **3.744.801** cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

5.3. Thông qua Tờ trình xem xét nhân sự từ nhiệm; đề cử nhân sự bầu bổ sung thành viên BKS và điều hành bầu cử:

Nhân sự từ nhiệm BKS	Nhân sự bầu bổ sung BKS
Ông Nguyễn Hữu Phước	Ông Hoàng Mạnh Cường

5.4. Công tác đề cử, ứng cử:

+ Đại hội tiến hành đề cử ông Hoàng Mạnh Cường (Sinh ngày 31/12/1987) vào danh sách bầu bổ sung thành viên BKS.

Kết quả biểu quyết: Đại hội nhất trí thông qua danh sách từ nhiệm và đề cử thành viên BKS do ông Nguyễn Văn Tài vừa trình đại hội với số phiếu tán thành tương ứng **3.744.801** cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

6. Ông Nguyễn Trường Sơn điều hành phần thảo luận và lấy biểu quyết thông qua các nội dung đã trình bày tại Đại hội

Cổ đông không có ý kiến.

7. Ông Nguyễn Văn Hưng – Trưởng ban kiểm phiếu thông qua kết quả kiểm phiếu, biểu quyết như sau:

- + Bầu bổ sung thành viên HĐQT.
- Ông **Trần Doãn Thoan** với số phiếu bầu tương ứng **5.020.061** cổ phần, chiếm 134% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Ông **Nguyễn Thiện** với số phiếu bầu tương ứng **2.469.541** cổ phần, chiếm 66% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- + Bầu bổ sung thành viên BKS.
- Ông **Hoàng Mạnh Cường** với số phiếu bầu tương ứng **3.724.801** cổ phần, chiếm 99.47% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

• **Biểu quyết thông qua kết quả bầu cử :**

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, theo quy chế bầu cử đã được thông qua:

- Ông **Trần Doãn Thoan** đã trúng cử vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần 28.1 nhiệm kỳ 2021 – 2026. Đại hội nhất trí thông qua kết quả bầu cử với số phiếu tán thành tương ứng **3.744.801** cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Ông **Nguyễn Thiện** đã trúng cử vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần 28.1 nhiệm kỳ 2021 – 2026. Đại hội nhất trí thông qua kết quả bầu cử với số phiếu tán thành tương ứng **3.744.801** cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Ông **Hoàng Mạnh Cường** đã trúng cử vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần 28.1 nhiệm kỳ 2021 – 2026. Đại hội nhất trí thông qua kết quả bầu cử với số phiếu tán thành tương ứng **3.744.801** cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

8. Các thành viên trong HĐQT và BKS ra mắt tại Đại hội.

9. Ông Tăng Hùng –Thư ký Đại hội đọc Biên bản và Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

+ **Kết quả:** Đại hội thông qua với số phiếu tán thành tương ứng **3.744.801** cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần 28.1 kết thúc vào hồi 11 giờ 35 phút cùng ngày. Các nội dung trong phiên họp được lập thành Biên bản Đại hội và cổ đông nhất trí thông qua, với số phiếu tán thành tương ứng **3.744.801** cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội./

CHỦ TỌA

Nguyễn Trường Sơn

THƯ KÝ



Tăng Hùng



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 sửa đổi bổ sung và được quốc hội khóa XII thông qua ngày 24/11/2010 có hiệu lực từ ngày 01/7/2011;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần 28.1;

Căn cứ biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 công ty cổ phần 28.1 họp ngày 29/4/2022 tại trụ sở chính đã được đại hội thông qua.



QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS và giới thiệu nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT và thành viên BKS.

Thành viên Hội đồng quản trị miễn nhiệm gồm các ông/bà có tên sau:

- Ông Nguyễn Quyết Thắng
- Ông Nguyễn Vĩnh Long
- Ông Nguyễn Văn Tài
- Ông Vũ Sỹ Nam

Thành viên Ban kiểm soát miễn nhiệm gồm các ông/bà có tên sau:

- Ông Nguyễn Hữu Phước

Điều 2. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị gồm các ông/bà có tên sau:

- Ông Trần Doãn Thoan.
- Ông Nguyễn Thiện.

Thành viên Hội đồng quản trị mới gồm các ông/bà có tên sau:

- Ông Nguyễn Trường Sơn.
- Ông Trần Doãn Thoan.
- Ông Nguyễn Thiện.

Điều 3. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty, Thành viên BKS gồm các ông/bà có tên sau:

- Ông Hoàng Mạnh Cường.

Thành viên BKS mới gồm các ông/bà có tên sau:

- Ông Hoàng Mạnh Cường.

- Bà Trần Thị Mỹ.

- Ông Nguyễn Thanh Định.

Điều 4. Thông qua các Báo cáo:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2021.
- Báo cáo kết quả SXKD năm 2021
- Phương án hoạt động SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2022.
- Báo cáo kết quả thực hiện kiểm toán; Báo cáo tài chính năm 2021.
- Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình thẩm định năm 2021 và KH năm 2022.

Điều 5. Thông qua kế hoạch chi trả Thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022.

Điều 6. Thông qua Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

Điều 7. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần 28.1 nhất trí thông qua toàn văn tại đại hội và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm thi hành nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Trường Sơn

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi.

Trong tình hình khó khăn về nguồn hàng năm 2021, Công ty cổ phần 28.1 luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, Chi huy Tổng Công ty 28 về tìm kiếm nguồn hàng bổ sung và điều hành sản xuất kinh doanh. Kết quả, Công ty cổ phần 28.1 đã duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh cả năm 2021, tạo đủ việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động đến hết năm.

Tổng công ty 28 đã phê duyệt điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 như đề xuất của Công ty cổ phần 28.1.

2. Khó khăn.

Đầu năm 2021 Công ty chịu ảnh hưởng của làn sóng dịch bệnh lần 3 khi nguồn hàng trong xưởng thiếu, không có hàng hoá để sản xuất. Để đảm bảo việc làm cho người lao động, công ty đã phải nhận nhiều mặt hàng trái công nghệ, phải bố trí quần lên chuyển áo sản xuất nhằm bù đắp nguồn hàng thiếu hụt trong xưởng với đơn giá thấp, năng suất thấp, các mặt hàng thay thế như sơ mi, khẩu trang, túi vải, áo thời trang có giá trị cao thiếu hụt dẫn đến doanh thu thấp, GTGCCB thấp.

- Khách hàng book năng lực nhưng không xuống đơn hàng dẫn đến sản xuất bị động, không có nguồn hàng thay thế kịp thời.

- Ngay khi nguồn hàng được ổn định từ quý III khi hàng hoá truyền thống được xác nhận đủ đến hết năm 2021 thì làn sóng covid 19 lần 4 tiếp tục diễn tiến phức tạp dẫn đến toàn công ty phải ngưng hoạt động từ ngày 14/7 đến hết 19/9 khiến nguồn hàng bị dồn lại, các hoạt động duy trì cũng như xúc tiến đặt hàng chuẩn bị cho sản xuất bị ảnh hưởng do nhiều nhà máy/NCC ngưng hoạt động, cảng biển bị phong tỏa, ách nghẽn dân đến việc đồng bộ NPL bị chậm trễ.

- Tỷ trọng hàng gia công và hàng nội địa tăng, tuy nhiên giá trị doanh thu thấp, nhiều mặt hàng trái công nghệ dẫn đến việc tổ chức sản xuất trong điều kiện vừa phải

đào tạo nhân công, vừa triển khai đơn hàng nhằm đảm bảo đơn hàng gấp gáp về tiến độ được giao đúng kế hoạch cũng như chất lượng dẫn đến năng suất thấp, khó khăn.

- Nguồn nhân lực biến động giảm về cả số lượng và chất lượng làm ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô và kết quả sản xuất. Toàn công ty chịu ảnh hưởng kép của quy mô giảm sút và nguồn hàng bấp bênh cộng với điều kiện

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tổng hợp

ĐVT: 1,000đ

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2021			TH2021 /TH2020 (%)
		Kế hoạch điều chỉnh	TH 2021	TH/KH (%)	
Tổng doanh thu	1.000đ	134,994,000	140,690,566	104.22	95.66
Doanh thu FOB XK	"	80,412,000	70,407,248	87.56	73.6
Doanh thu GC XK	"	5,749,000	10,035,256	174.56	202.22
Doanh thu KT nội địa	"	43,878,000	54,502,678	124.21	157.78
Doanh thu hàng quốc phòng	"	2,573,000	2,587,107	100.55	37.07
Doanh thu cho thuê	"	1,895,000	2,006,410	105.88	120.99
Hoạt động tài chính	"	362,000	526,490	145.44	51.59
Doanh thu khác	"	125,000	625,369	500.3	84.72
Giá trị gia công chế biến	1.000đ	50,126,000	52,089,238	103.92	72.95
Sản xuất trong xưởng	"	44,608,000	45,793,854	102.66	69.61
Gia công ngoài	"	5,518,000	6,295,384	114.09	112.17
Lợi nhuận	1.000đ	-17,384,000	-13,017,676	74.88	140.31
Từ hoạt động SXKD chính	"	-18,084,000	-13,801,407	76.32	133.39
Từ hoạt động khác	"	1,124,000	1,347,874	119.92	133.59
Từ hoạt động tài chính	"	-535,000	-1,175,235	219.67	
Từ hoạt động khác	"	111,000	611,093	550.53	
Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng	7,033,000	8,303,544	118.07	99.19
Từ tiền lương	"	5,354,000	6,220,275	116.18	97.15
Từ thu nhập khác	"	869,000	240,730	29.72	82.56
Từ thưởng cuối năm	"	810,000	1,842,539	212.03	109.88
Lao động bình quân	Người				
Lao động BQ trong danh sách	"	523	523	100	
Lao động làm việc thực tế BQ	"	423	480	113	
Thời gian làm việc					
Số ngày làm việc trong tháng	Ngày	21	21	100	
Số giờ làm việc BQ 1 ngày	Giờ	8	8.5	106.25	
Năng suất lao động	Đồng				
Tính theo lao động BQ trong DS	"	7,058,000	7,296,662	103	
Tính theo LD làm việc thực tế BQ	"	8,027,000	7,950,322	99	
NSLĐ BQ quy về 26 ng/thg và 8h/ng	"	8,404,000	9,264,240	110	

Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao

- Trong điều kiện khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, TCT đã điều chỉnh kế hoạch cho công ty CP 28.1, trong đó, doanh thu giảm chỉ còn 70% so với kế hoạch xây dựng ban đầu, GTGCCB còn 60% kéo theo các chỉ tiêu về thu nhập, năng suất lao động và các chỉ tiêu khác giảm tương ứng.

- Trong 140.69 tỷ doanh thu tiêu thụ, tỷ trọng doanh thu hàng xuất khẩu tiếp tục giảm, chỉ đạt 57%, tỷ trọng hàng nội địa tiếp tục tăng trưởng, với nguồn hàng 2021, các đơn hàng nội địa đặc biệt hai đơn hàng quần xuân hè Kowill ~ 45k quần và Đơn quần Thu đông Kowill ~ 35,400 quần đã giúp quý I và quý IV 2021 ổn định các chuyển quần sản xuất trong xưởng.

- Năm 2021 Công ty lỗ 13.017 tỷ đồng, so với cùng kỳ 2020 đạt -140%, so với kế hoạch xây dựng đầu năm 2021 đạt -224%. Với việc doanh thu giảm sút chỉ bằng 70% năng lực nhà máy, cả công ty vẫn phải duy trì và gánh các chi phí cố định, các chi phí sản xuất chung gần như không đổi, trong khi dịch bệnh làm chi phí đầu vào gia tăng, gần 3 tháng ngưng hoạt động làm GTGCCB mất đi ~ 16 tỷ; doanh thu tiêu thụ mất đi do bị huỷ đơn hàng ~ 45 tỷ, trong đó chủ yếu là hàng nội địa FOB.

- Các đơn hàng xuất khẩu giảm mạnh, trong đó, các khách hàng chiến lược gồm IPU và Lever Style xuống đơn sản lượng rất thấp so với cam kết dẫn đến mùa thấp điểm Quý I, đầu Quý II thiếu hụt nguồn hàng, cụ thể:

Khách hàng	THÁNG 1		THÁNG 2		THÁNG 3		THÁNG 4		THÁNG 5		THÁNG 6	
	Áo	Quần	Áo	Quần	Áo	Quần	Áo	Quần	Áo	Quần	Áo	Quần
IPU	105	3,600	1,217	400	5,004	7,803	2,002	2,600	4,636	8,203	9,399	1,700
Lever Style		3,348		760							4,281	6,007
HQ	7,166	807	1,578	1,255	396	423	2,425		1,785	2,118	797	303
APG	2,470	862	568	4,445							455	3,283
XK khác/Sơ mi			3,670		24,474		1,030		3,670		3,224	
Kowill		6,133		533		12,174		5,916				
KG				341				3,708		3,143	715	715
Belluni										300		7,245
Nội địa khác	2,112	6,430	1,498	5,123	22	2,262	44	5,769	21	668	800	400
Quần phục - TCT	6,495	8,200	1,440	870	7,460	3,600	2,640	6,630				
Thuế - TCT							4,560		11,000	8,480		
TỔNG CỘNG	18,348	29,380	9,971	13,727	37,356	26,262	12,701	24,623	21,112	22,912	19,671	19,653

Để bù đắp thiếu hụt cho các chuyển áo, công ty đã nhận gia công gần 300K khẩu trang, 30K túi vải và 30k áo sơ mi.

- Đơn giá gia công và giá FOB giảm, cụ thể:

+ Hàng IPU giảm 6% giá CM cơ bản cho áo, các upcharge MOQ bị bỏ, upcharge máy bị giảm để nhận đơn hàng nhưng nguồn hàng áo vẫn thiếu hụt, các đơn hàng nhỏ lẻ từ 300-500 áo/style dẫn đến năng suất giảm thấp.

+ Các khách hàng xuất khẩu khác như lever style, APG cũng đề nghị giảm giá CM từ 5-10% đồng thời giảm MOQ charge trong khi các đơn hàng nhỏ lẻ gia tăng.

+ Việc tổ chức sản xuất các mặt hàng sản lượng nhỏ, liên tục thay đổi style/rập dẫn đến năng suất thấp, thời gian sản xuất kéo dài, giảm sức cạnh tranh khi khách hàng luôn có xu hướng xuống đơn hàng trễ, đòi hỏi thời gian giao hàng nhanh, gấp.

- Lao động dịch chuyển và tiếp tục giảm. Tại thời điểm báo cáo, lao động thực tế chỉ đạt 423 lao động/tháng, lao động trong danh sách còn 482 lao động. Thu nhập thấp, nguồn trích quỹ lương cho các chính sách thưởng lễ/tết cạn kiệt dẫn đến việc giữ chân người lao động khó khăn hơn trong điều kiện dịch chuyển lao động đang trở thành xu thế tất yếu.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác nguồn hàng, khách hàng

- Năm 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh với làn sóng dịch lần 3/lần 4 nhưng Công ty đã từng bước định hướng đúng chiến lược về nguồn hàng, tiếp cận khách hàng, thực hiện tốt chính sách chăm sóc khách hàng, giữ quan hệ tốt với từng khách hàng. Kết quả, từ đầu tháng 3 năm 2021 nguồn hàng quý III và một phần nguồn hàng quý IV đã được xác nhận bằng các đơn hàng truyền thống, trong đó:

STT	Khách hàng	Quần	Áo
1	KG- Aristino	15,500	16,900
2	KG-Boss	5,000	3,000
3	Kowill – 3N	43,900	7,800
4	Belluni	19,000	6,000
5	Hàn Quốc	11,000	16,130
6	APG	15,000	7,300
6	APG – Gia công		19,900
Tổng cộng		109,900	77,030

- Bên cạnh các đơn hàng đã xuống cho quý III, Công ty đã xúc tiến làm việc với các khách hàng chuẩn bị cho đơn hàng quý IV gồm các đơn hàng nội địa, hàng CMT Hàn Quốc và hàng Lever Style ~ 8,000 bộ/tháng.

- Toàn bộ nguồn hàng đã ổn định cho sản xuất trong xưởng từ tháng 7.

- Khi làn sóng dịch bệnh lần 4 nghiêm trọng dẫn đến phải ngưng hoạt động gần 3 tháng, Cty đã chủ động làm việc với khách hàng huỷ và chuyển KH giao hàng; đàm phán chuyên gia công, tìm đơn vị gia công, kết quả, trong tháng 10 ghi nhận doanh thu từ GGCB ngoài 2,6 tỷ, tháng 11 ghi nhận GCCB ngoài gần 1 tỷ, tổng cộng GCCB ngoài từ các đơn hàng chuyển gia công ngoài đạt gần 3 tỷ.

- Trong năm 2021, Công ty đã nhiều lần hội thảo đánh giá khách hàng dựa trên các tiêu chí: Mặt hàng – Đơn giá – Hình thức hợp tác – Thanh toán – Tương tác khi triển khai để xác định khách hàng chiến lược xuất khẩu và nội địa.

- Đã làm việc với khách hàng mới, khách hàng truyền thống về kế hoạch nguồn hàng 2022, đến nay, về cơ bản nguồn hàng đã được xác nhận ổn định đến hết quý I/2022.

- Bên cạnh công tác nguồn hàng triển khai thông qua các Vender như Motive/IPU/APG (văn phòng ở Việt Nam) công ty đang định hướng làm việc trực tiếp với khách hàng xuất khẩu quan các thị trường Anh/Hồng Kong. Hiện tại, khách hàng Lever Style kết nối 28.1 với các thương hiệu tại Anh/Mỹ như TBT, BNB và STF không có văn phòng đại diện tại Việt Nam, công ty đã trực tiếp tương tác với văn phòng chính của Lever Style tại Hồng Kông và tích lũy các kinh nghiệm có thể trực tiếp làm việc với khách hàng.

2. Công tác điều hành và quản lý sản xuất

- Từ 1/4/2021 công ty đã thực hiện tái cấu trúc và luân chuyển cán bộ trong đó, công tác Kỹ thuật/kế hoạch được bổ sung nhân sự quản lý cấp cao, bố trí lại cán bộ quản đốc phân xưởng tuy nhiên, công tác quản trị hệ thống/các quy trình quản lý sản xuất/quản lý mua hàng/tổ chức triển khai đơn hàng vẫn bộc lộ nhiều sai sót, bất cập, chưa có sự kết nối và đồng thuận chặt chẽ trong nội bộ.

- Các Xưởng đã chủ động trong công tác điều hành sản xuất, bám sát được tiến độ và các kế hoạch sản xuất từ các phòng ban. Tuy nhiên, cần quản lý tốt công tác điều hành dựa trên số liệu từ bán thành phẩm Xưởng cắt đến sản phẩm nhập kho, cần tăng cường sự phối hợp giữa xưởng và các Phòng nghiệp vụ trọng điều hành sản xuất.

3. Công tác kỹ thuật và chất lượng sản phẩm

- Các tháng đầu năm nguồn hàng biến động, mặt hàng khác/trái công nghệ, công tác kỹ thuật triển khai hướng dẫn mặt hàng mới khó khăn, đặc biệt các đơn hàng nữ, sơ mi, các đơn hàng thời trang nhỏ lẻ khó may, công tác kỹ thuật đã kịp thời triển khai hướng dẫn và phối hợp tốt với các phân xưởng cắt, may đặc biệt công tác triển khai các đơn hàng đồng phục, đơn hàng cục thuế.

- Từ tháng 7/2021, nguồn hàng đã ổn định và 100% đơn hàng truyền thống trong đó các đơn hàng nội địa lặp lại, ít thay đổi kiểu dáng, các đơn hàng sản lượng lớn là thuận lợi cho việc tăng năng suất/tăng hiệu quả, cần các đơn vị tích cực phối hợp triển khai tốt, tạo tiền đề cho năm 2022.

- Vẫn còn các đơn hàng phải tái chế lần 1, lần 2 dù hàng truyền thống, hàng lặp lại nên việc triển khai hướng dẫn chuyên, xử lý kỹ thuật từ sơ đồ đến mẫu, inline, kiểm soát

các khâu hoàn tất cần được chú trọng, mục tiêu hạn chế thấp nhất và không còn các đơn hàng bị tái chế.

- Công tác kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu đầu vào triển khai còn chậm, chưa đồng bộ, dẫn đến tình trạng NPL khi lên bàn cắt/lên chuyên may vẫn phải xử lý, gián đoạn sản xuất.

- Cần tích cực nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào phục vụ tốt cho sản xuất, duy trì thực hiện chế độ bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị đúng thời gian; Duy trì tốt, sử dụng tối đa công suất máy, đạt hiệu quả, thực hiện nghiêm các quy định về kỷ luật công nghệ, vệ sinh an toàn lao động. Duy trì nghiêm chế độ kiểm định trang thiết bị máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

4. Công tác tổ chức sản xuất

- Năm 2021 công tác tổ chức và điều hành sản xuất đã được cải thiện, công tác đồng bộ NPL đã đảm bảo ổn định cho sản xuất, trong quá trình triển khai vẫn có vướng mắc nhưng đã được cải thiện, kế hoạch vẫn có thay đổi trong tháng nhưng đã ổn định hơn, các mặt hàng đã được chọn lọc phù hợp với quy trình công nghệ từng chuyên.

- Xuất hàng, giao hàng đã được cải thiện, bám sát hợp đồng và các cam kết về thời gian giao hàng với khách để tổ chức điều hành sản xuất.

- Các chuyên sản xuất được bố trí linh hoạt hơn theo mặt hàng, từ quý II đã có phương án sắp xếp lại các tổ sản xuất của 3 chuyên áo và bố trí các chuyên trưởng để quản lý, điều hành các chuyên sản xuất sâu sát hơn, góp phần tăng năng suất 3-5%/chuyên.

5. Công tác đầu tư MMTB và xây dựng cơ bản.

- Không đầu tư gì trong năm 2021.

6. Công tác quản lý vật tư, nguyên liệu.

- Công tác xây dựng định mức đã được hoàn thiện hơn, chủ động xác định được định mức NPL an toàn cho sản xuất, giảm định mức để giảm giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh nhằm có nhiều đơn hàng hơn, đảm bảo nguồn hàng cho toàn Công ty trong năm 2021:

- Công tác đặt hàng luôn đặt tiêu chí sử dụng NPL tiết kiệm, hiệu quả lên hàng đầu, sử dụng triệt để các NPL tồn kho đảm bảo lợi nhuận và hiệu quả cao trong quá trình sản xuất kinh doanh. Duy trì công tác quản lý tốt, luôn đảm bảo mức tồn kho dưới mức quy định.

- Đã tập trung triển khai xử lý các vấn đề còn tồn đọng, xử lý NPL hàng Mỹ, hàng UK, xuất hàng tồn IPU bằng cách thường xuyên cập nhật thông tin tới khách hàng.

7. Công tác quản trị

- Công ty luôn chấp hành đúng các chế độ kế toán thống kê, hạch toán kế toán theo quy định. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh trung thực, chính xác. Chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lệ, được lưu trữ khoa học. Đảm bảo tính minh bạch trong công tác tài chính, phục vụ tốt các đoàn kiểm tra, kiểm toán...

- Cân đối được nguồn tài chính hợp lý để chủ động trong sản xuất kinh doanh (Trong điều kiện vốn chủ yếu là nguồn vay ngân hàng). Công tác quản lý tài chính của Công ty luôn tuân thủ và thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước. Tình hình thu hồi công nợ của Công ty với các khách hàng được kiểm soát tuy nhiên, đã để xảy ra hai khoản nợ xấu trị giá trên 2 tỷ đồng chưa có phương án xử lý hiệu quả.

- Công tác XNK, khai báo, quyết toán Hải Quan thực hiện đúng quy định, phục vụ kịp thời cho sản xuất.

8. Công tác tuyển dụng, đào tạo.

- Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo và giữ chân người lao động. Liên hệ với các trung tâm giới thiệu việc làm, tìm hiểu thông tin từ các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn, rà soát và điều chỉnh các chính sách tuyển dụng cho phù hợp. Tuy nhiên biến động lao động vẫn cao: từ đầu năm 2021 đến nay số lao động tuyển vào/mất đi mất cân đối, tổng số lao động giảm cơ học 125 lao động, giảm từ 607 xuống còn 482 ở thời điểm hiện tại ~ 21%

- Công ty luôn thực hiện biểu biên chế tổ chức đúng hướng dẫn và tiêu chuẩn của trên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, trong năm Công ty đã thực hiện tái cấu trúc, trong đó, giảm định biên khối gián tiếp trên 20 lao động, giảm ~ 26%, tỷ lệ lao động gián tiếp/LĐ TTSX hiện tại 30/70% với quy mô tương ứng 450-470 lao động.

9. Công tác Đảng, chính trị và Công tác Hành chính hậu cần

- Trong điều kiện dịch bệnh bùng phát nghiêm trọng, công ty vẫn giữ vững lực lượng lao động đạt 70-90%, kiểm soát tốt dịch bệnh, không để xảy ra các trường hợp đáng tiếc, đã đảm bảo chế độ cho NLĐ theo các gói trợ cấp của chính phủ, đã xử lý nhanh các đợt chích vaccin và 100% lao động đến hiện tại đã có visa vaccin, đủ điều kiện tham gia sản xuất.

- Chú trọng xây dựng các chính sách lương thưởng, thưởng năng suất cho lao động mới. Tập trung xây dựng các phong trào thi đua tăng năng suất góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021. Từ tháng 10/2020 Công ty đã xây dựng lại quy chế lương mới, ban hành chính sách thưởng mới, phát động các phong trào thi đua sản xuất từng tháng, kịp thời động viên, khuyến khích NLĐ trong điều kiện sản xuất cuối năm.

- Thường xuyên kiểm tra công tác đảng, chính trị theo đúng kế hoạch.

- Thường xuyên nắm bắt tư tưởng, động viên, giải quyết vướng mắc kịp thời, phát động các phong trào thi đua sát với thực tiễn sản xuất.

- Công tác hành chính hậu cần được đảm bảo: Bữa ăn ca được cải thiện bảo đảm an toàn thực phẩm, môi trường làm việc cho NLĐ tốt.

- Khuôn viên nhà xưởng được cải thiện, thực hiện bảo dưỡng duy tu MMTB, lò hơi, khí nén, các thiết bị nghiêm ngặt đúng, định kỳ, nội quy kỷ luật lao động được duy trì tốt. Đơn vị an toàn tuyệt đối về người và tài sản.

III. NHỮNG TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP

1. Những tồn tại.

1.1/ Công tác quản lý kế hoạch, kỹ thuật vẫn còn nhiều tồn tại, công tác chuẩn bị sản xuất, điều độ sản xuất còn vướng mắc ảnh hưởng đến năng suất chất lượng sản phẩm, tiến độ giao hàng. Công tác quản lý NPL, XNK còn dễ xảy ra sai sót dẫn đến tồn kho chậm luân chuyển, nợ quá hạn, nợ xấu.

1.2/ Công tác kỹ thuật còn hạn chế đặc biệt công tác kiểm NPL đầu vào, may mẫu, hướng dẫn sản xuất còn chậm, thiếu linh hoạt, còn sai sót trong quá trình triển khai

1.3/ Sự phối hợp giữa đơn vị phục vụ và xưởng sản xuất còn chậm, chưa linh hoạt.

1.4/ Tương tác nội bộ đặc biệt công tác quản trị hệ thống yếu kém ảnh hưởng đến tâm lý, môi trường lao động, nhiều vị trí lao động liên tục nghỉ việc và thay đổi nhận sự gây khó khăn cho công tác quản lý.

1.5/ Lao động trong năm quá nhiều biến động, giảm 26% tương đương mất 125 lao động có tay nghề so với đầu năm dù đã có nhiều chính sách giữ chân người lao động. Chỉ tiêu GTGCCB thấp từ việc thiếu hụt lao động, thiếu hụt nguồn hàng, chất lượng sản phẩm sản xuất ra hàng ngày không đạt mục tiêu, ảnh hưởng kế hoạch giao hàng đã cam kết với khách hàng.

2. Nguyên nhân.

2.1/ Nguồn hàng đã được cải thiện và có nhiều dấu hiệu khởi sắc nhưng các đơn hàng vẫn còn nhỏ lẻ, NPL đồng bộ chậm trễ dẫn đến thay đổi tác nghiệp nhiều lần mỗi tháng. Nhân sự biến động và liên tục thay đổi.

2.2/ Các quy trình quản lý hệ thống bộ lộ nhiều yếu kém hoặc các công đoạn/bước triển khai thực hiện bị bỏ sót/bỏ qua dẫn đến quy trình bị sai sót/sai lệch khi triển khai thực hiện.

2.3/ Chính sách lương thưởng còn hạn chế: Thu nhập quá thấp, tinh thần của NLD chưa ổn định nhất là sau dịch bệnh công ty chịu sự ảnh hưởng của làn sóng dịch chuyển lao động quy mô lớn.

3. Giải pháp.

3.1/ Cần ổn định lại các vị trí nhân sự chuyên viên/chuyên môn nghiệp vụ cao để các khâu quản trị hệ thống được ổn định và dần dần được nắn vào quy củ.

3.2/ Tiếp tục thực hiện chiến lược của Công ty giai đoạn 2022-2025 về tái cấu trúc Công ty khi được Chủ tịch Tổng công ty phê duyệt.

3.3/ Phân loại lao động và xây dựng kế hoạch đào tạo, đánh giá sau đào tạo cụ thể.

3.4/ Xây dựng chế độ chính sách và mối quan hệ tốt trong công việc giữa các đơn vị và cá nhân trong Công ty trên cơ sở giữ vững các giá trị cốt lõi: Văn hoá phục vụ khách hàng, văn hoá lãnh đạo và văn hoá ứng xử trong doanh nghiệp.

3.5/ Lao động giảm sút ở khối trực tiếp sản xuất, việc tìm giải pháp giải quyết vấn đề về lao động gồm giữ chân NLD cũng như tuyển mới cần được xác định cụ thể ở tiền lương, chế độ chính sách, môi trường làm việc.

3.6/ Xây dựng kế hoạch tuyển dụng và tìm kiếm nguồn tuyển dụng phải hiệu quả và có tiêu chí đánh giá, kế hoạch đào tạo cụ thể.

PHẦN II KẾ HOẠCH NĂM 2022

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH

Bên cạnh những thuận lợi và khó khăn của năm 2021 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến Công ty, trong năm 2022 sẽ có những thuận lợi và khó khăn chính sau:

1. Thuận lợi.

- Luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo sâu sát của Đảng uỷ, Ban điều hành và các đơn vị thành viên trong toàn Tổng công ty về cả tinh thần và vật chất.

- Sau năm 2022 khó khăn về mọi mặt như đã đánh giá, toàn thể NLD Công ty CP 28.1 đã bước đầu thích ứng với sự thay đổi và linh hoạt về nguồn hàng, về phương thức quản lý. Sự thích nghi được hình thành từ ý thức NLD là thuận lợi cho tập thể CB-CNV toàn Công ty quyết tâm thực phương án tái cấu trúc doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá các mặt hiệu quả và tiếp tục điều chỉnh phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế.

- Nguồn hàng, khách hàng đã có nhiều dấu hiệu tốt khi hàng truyền thống đã quay trở lại dù thị trường còn khó khăn.

- Nhiều chính sách vĩ mô phát triển lĩnh vực may mặc được thông qua, thị trường có sự thích ứng tốt hơn sau làn sóng dịch bệnh tạo nhiều cơ hội mới cho Công ty tìm hiểu, tiếp cận nguồn hàng, khách hàng mới, từng bước định hướng phát triển công ty theo chiến lược: Tinh gọn, linh hoạt, kết hợp duy trì sản xuất trong xưởng, kinh doanh thương mại và phát triển gia công ngoài.

2. Khó khăn.

- Tái cấu trúc toàn công ty chưa tạo ra bước tiến trong việc cải thiện công tác quản trị, các quy trình quản trị hệ thống bộc lộ nhiều yếu kém sai sót, là giai đoạn quá độ để bứt phá trong giai đoạn 2022-2025.

- Việc chuyển dịch cơ cấu ngành nghề của lao động trong khu vực tăng cao, lao động dự báo sẽ tiếp tục biến động và giảm, các chuyên sản xuất thiếu định biên so với thiết kế sẽ cho năng suất thấp, năng lực sản xuất thấp, đơn giá gia công cao làm sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường thấp và yếu.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tập trung điều hành sản xuất hoàn thành các chỉ tiêu được giao trong năm theo cơ cấu: Quý 1: 22%, Quý 2: 24%, Quý 3: 27%, Quý 4: 28% và chuẩn bị nguồn lực để rà soát, sắp xếp mô hình tổ chức công ty theo chức trách nhiệm vụ phù hợp với quy mô hiện tại theo phương án Tái cấu trúc đã được Chủ tịch Tổng công ty phê duyệt.

- Xác định rõ mục tiêu và giá trị cốt lõi trong tái cấu trúc đối với khách hàng:

+ Tiếp tục phân tích mặt hàng/nguồn hàng để xác định khách hàng chiến lược cùng nguồn hàng trong xưởng/gia công ngoài trên cơ sở triển khai gia công các mặt hàng có lợi thế về công tác kỹ thuật và triển khai sản xuất.

+ Chất lượng: Đảm bảo 100% các đơn hàng thực hiện theo đúng yêu cầu và thoả thuận với khách về chất lượng sản phẩm;

+ Giao hàng: Đảm bảo đúng thời gian giao hàng theo hợp đồng và các thay đổi theo yêu cầu của khách.

+ Dịch vụ khách hàng: Giữ mối quan hệ thường xuyên với tất cả các khách hàng, nhà cung cấp thông qua việc triển khai thực hiện đúng những cam kết khi hợp tác.

- Tập trung tìm kiếm và mở rộng thị trường mục tiêu: chủ động tìm kiếm khách hàng mới trong nội địa cũng như quốc tế, từng bước giảm phụ thuộc của nhà máy vào một vài khách hàng truyền thống, nghiên cứu xây dựng phương án kinh doanh thương mại trực tiếp từ nhà máy đến khách hàng cuối cùng.

- Tập trung nguồn lực và đưa ra các giải pháp tăng năng suất lao động, cải thiện công tác quản lý theo hướng tinh giản về thủ tục, tối giản về tổ chức biên chế, nghiên cứu đầu tư áp dụng các phần mềm tiến bộ vào quản trị.

- Tiếp tục nghiên cứu quy trình sản xuất, có những cải tiến phù hợp, nghiên cứu áp dụng công nghệ máy móc chuyên dùng vào sản xuất, tập trung các giải pháp tăng năng suất các chuyên, bố trí lại chuyên sản xuất phù hợp với tình hình mặt hàng mới.

- Tổ chức tốt công tác chuẩn bị sản xuất, chuyển một số công đoạn sản xuất cho phù hợp với thực tế tại nhà máy.

- Triển khai ngay các phương án giữ chân NLD thông qua các chính sách cụ thể về tiền lương, thưởng cũng như các chế độ chính sách khác để duy trì quy mô sản xuất tối thiểu 450 lao động năm 2022.

- Nghiên cứu xây dựng phương án lương 2022 theo hướng khuyến khích NLD tăng năng suất.

- Tập trung nghiên cứu khai thác hiệu quả MMTB và chuẩn bị đầu tư mới, mục đích tăng năng suất lao động.

- Triển khai tốt việc đánh giá nhà máy của các khách hàng, tiếp tục duy trì và thực hành chính sách tiết kiệm, giảm chi phí.

- Xây dựng chính sách đào tạo và tuyển dụng theo tiêu chí: Đảm bảo đủ biên chế, năng lực NLD đáp ứng đúng yêu cầu chuyên môn, chính sách đào tạo cụ thể, có kế hoạch và đánh giá sau đào tạo.

- Xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu, các tổ chức quần chúng vững mạnh xuất sắc, giữ vững đơn vị an toàn về người và tài sản, nội bộ đơn vị đoàn kết và ổn định, Công ty vững mạnh toàn diện.

2. Các chỉ tiêu chính.

DVT: 1000 đ

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	ƯỚC THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2022	%KH /UTH 2021
A	B	C	1	2	3
I	Tổng doanh thu	1000đ	140,690,566	250,800,000	178%
1	Quốc phòng	"	2,573,107	1,250,000	49%
2	Doanh thu kinh tế	"	134,945,191	193,977,120	144%
2.1	- Sản xuất xuất khẩu	"	80,442,505	174,815,120	218%
2.2	- Sản xuất nội địa	"	54,502,687	19,162,000	35%
3	- Kinh doanh Gia công ngoài	"	-	51,130,000	
4	Cho thuê mặt bằng, kho bãi	"	2,006,410	3,242,880	161%
5	Hoạt động tài chính	"	526,490	1,100,000	209%
6	Doanh thu khác	"	625,369	100,000	16%
II	Giá trị gia công chế biến	1000 đ	52,089,238	81,500,000	156%
	TĐ: - SX trong xưởng	"	45,793,854	61,204,355	133.6%
	- Gia công ngoài	"	6,295,384	20,295,645	322%
III	Lợi nhuận	1000 đ	(13,017,6762)	50,000	200.38
VII	Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng	8,303,544	9,406,000	113%
VIII	Lao động bình quân	Người			
	- Lao động BQ trong danh sách	"	536	472	88%
	- Lao động làm việc thực tế BQ	"	480	450	93%
IX	Năng suất lao động (tính theo GTGCCB / người / tháng)	Đồng			
	- Tính theo lao động BQ trong danh sách	"	7,296,662	10,796,704	148%
	- Tính theo lao động làm việc thực tế BQ	"	7,950,322	11,334,140	142%
	- Năng suất lao động quy về 26 ngày / tháng và 8 giờ / ngày	"	9,264,240	10,876,591	117%

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Phân tích cơ cấu nguồn doanh thu và các chỉ tiêu tài chính

ĐVT: 1000 đ

Chỉ tiêu	KH 2021	Tỷ trọng nguồn doanh thu	Nguồn hàng
1. Doanh thu (tỷ)	250,800,000		
1.1. Kinh tế	193,977,120		
* Xuất khẩu	174,815,120	69.7%	
+ FOB	161,628,000	64.5%	Nguồn hàng Lever Style (25.5%), Oktava (36%), APG (3%)

+ Gia công XK	13,187,250	5.2%	Các đơn hàng Gia công Oktava
* Nội địa	19,162,000	7.6%	Hiện có Owen, KG, Belluni, 3N và một số khách hàng nhỏ lẻ khác.
* Gia công ngoài	51,130,000	20.3	Quần nội địa và Jile XK
Doanh thu cho thuê BĐS	2,697,000	2.4%	Cho thuê kho
Doanh thu từ HĐTC	1,100,000		Các HĐ tài chính
Doanh thu khác	645,880		

Với cơ cấu nguồn hàng theo doanh thu như trên, lợi nhuận năm 2022 công ty xây dựng kế hoạch dự kiến không phát sinh thêm lỗ của năm 2022, bắt đầu có hiệu quả (50 triệu đồng/năm), bố trí khai thác máy móc thiết bị đạt 100% năng lực ca máy và nguồn hàng gia công ngoài dự kiến 25,000 cái/tháng.

2. Biện pháp thực hiện

2.1 Công tác đảm bảo nguồn hàng.

- Tập trung làm tốt công tác chuẩn bị nguồn hàng, công ty xác định rõ mặt hàng chiến lược man suit, blazer, quần tây, khaki, quần short, đồng thời đa dạng các mặt hàng gia công ngoài dựa trên năng lực các đơn vị gia công hiện có. Ban hành kế hoạch TNSX sát với thực tế và đúng công nghệ, quy hoạch chuyên may. Làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất, công tác điều độ sản xuất, theo dõi sát quá trình sản xuất và kịp thời xử lý các phát sinh trong quá trình sản xuất, đảm bảo kiểm soát tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo kế hoạch giao hàng đúng cam kết với khách hàng.

- Về nguồn hàng, với mục tiêu 90% trở lên là hàng FOB, cần đặc biệt cần:

+ Bám sát kế hoạch nguồn hàng đã làm việc với khách hàng, triển khai các thủ tục ký thỏa thuận về bao tiêu (nếu có – đã có ký kết bao tiêu với khách Oktava 12k bộ/tháng), bám sát các đơn hàng khách đã đặt để quản lý, bố trí, triển khai sản xuất đúng theo kế hoạch và thỏa thuận với khách hàng.

+ Với khách hàng Lever Style: Hàng cản trừ NPL có ưu thế không phải bỏ vốn, tuy nhiên sự chủ động về NPL bị hạn chế, để triển khai tốt đơn hàng, phòng kế hoạch phải bám sát các nhóm quản lý từng nhãn hàng khách xuống để tổ chức sản xuất đồng thời sẵn sàng các phương án thay thế khi đồng bộ nguyên phụ liệu bị thay đổi.

+ Chủ động tìm kiếm nguồn hàng thay thế nếu khách hàng không đảm bảo năng lực cho nhà máy. Hiện các khách hàng đã xác nhận xuống kế hoạch nguồn hàng 6 tháng, xuống đơn hàng trước 3 tháng và đồng bộ NPL trước khi sản xuất 2 tuần.

- Với hàng nội địa: Tập trung tìm kiếm nguồn hàng theo đúng quy hoạch, ưu tiên các mặt hàng truyền thống cho giá trị cao, sẵn sàng chuẩn bị nguồn lực khi tiếp nhận các

đơn hàng trái công nghệ, nâng cao kỹ năng đàm phán để chuyển hình thức hợp tác sang FOB mức 1, kinh doanh thương mại (nếu có) nhằm gia tăng hiệu quả kinh doanh.

- Công tác kế hoạch phải bám sát chỉ tiêu hàng tháng/quý/năm, phân bổ mặt hàng phù hợp cho các chuyên đảm bảo tối ưu về tiền độ, năng suất, chất lượng, giao hàng.

- Chú trọng cân đối NPL đúng đủ và tiết kiệm, quản lý tốt công tác kho, tận dụng NPL tồn, chuẩn bị lệnh SX đầy đủ, kịp thời triển khai cho các đơn vị liên quan.

3.2/ Công tác kỹ thuật và chất lượng

- Duy trì hệ thống kiểm soát chất lượng trong toàn Công ty, không để tình trạng tái chế thường xuyên xảy ra, phát sinh nhiều chi phí.

- Làm tốt công tác kiểm soát chất lượng NPL đầu vào, kiểm tra chất lượng bán TP trước khi đưa lên chuyên, kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất chặt chẽ.

- Quản lý kế hoạch và tiến độ may mẫu, đảm bảo chất lượng mẫu đáp ứng kịp thời yêu cầu của khách hàng và tiến độ sản xuất.

- Sắp xếp, đào tạo cán bộ, nhân viên kỹ thuật đủ năng lực, yêu cầu về công tác kỹ thuật cho sản xuất, trang bị ngoại ngữ cho nhân viên kỹ thuật để làm việc trực tiếp được với khách hàng ngoại khi triển khai các vấn đề về chất lượng với khách, tránh sai sót.

3.3/ Công tác đầu tư MMTB và XDCB

- Khai thác cho thuê thêm diện tích kho dự kiến 1000m².

3.4/ Công tác quản trị - tiền lương

- Xây dựng và thực hiện tái cấu trúc Công ty theo đúng nghị quyết chuyên đề của Đảng ủy Công ty.

- Bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để tổ chức thực hiện; kiểm soát chặt chẽ các nghiệp vụ về tài chính, kế toán, công nợ, hợp đồng, hoá đơn đầu vào, đầu ra, các nghiệp vụ xuất nhập khẩu, hải quan... để thực hiện đúng quy định, hạn chế rủi ro.

- Đổi mới công tác quản lý hàng hoá, NPL, TP, BTP, CCDC, thường xuyên rà soát thanh lý hàng tồn kho thu hồi vốn, cải thiện công tác thống kê kế hoạch, quản lý kho, điều độ sản xuất, cải tiến phần-mềm thống kê để kết nối kho, thống kê và điều độ phục vụ sản xuất nhanh, hiệu quả, cung cấp số liệu chính xác.

- Tổ chức duy trì tất cả các hệ thống quản lý Iso 9001-2015 của Công ty để đảm bảo cho đánh giá nhà máy theo yêu cầu của khách hàng.

- Bố trí lại định biên theo phương án tái cấu trúc và chiến lược 2022-2026 được phê duyệt đồng thời triển khai tốt công tác đào tạo nhân sự tương ứng với bố trí mới.

- Xây dựng lại phương án lương, thưởng, chính sách thi đua nhằm kích thích tinh thần làm việc của người lao động.

- Quản lý thời gian làm việc chặt chẽ để hạn chế tăng ca, hạn chế phát sinh chi phí, đảm bảo sức khoẻ và ổn định tư tưởng cho NLĐ.

- Xây dựng các chỉ tiêu tuyển dụng sát với nhu cầu, các chính sách khen thưởng hiệu quả, chính sách giữ chân NLĐ có tay nghề cao; tổ chức thi nâng bậc, nâng lương cho NLĐ theo quy định.

- Rà soát lại các chi phí hoạt động để thực hành tiết kiệm trong toàn công ty.

3.5/ Công tác HC-HC

- Bảo đảm hậu cần, tài chính, tiếp tục cải thiện bữa ăn ca cho người lao động để đảm bảo sức khỏe sản xuất, duy trì vệ sinh thực phẩm ăn uống... chăm sóc sức khỏe người lao động, thực hiện tốt công tác phòng dịch bệnh, tổ chức khám sức khỏe định kỳ.

- Duy trì giám sát việc chấp hành nội quy kỷ luật, an ninh trật tự và PCCN tại công ty, đảm bảo đơn vị an toàn tuyệt đối về người và tài sản. Thường xuyên chỉnh trang khuôn viên, nhà xưởng Công ty, làm tốt công tác vệ sinh, môi trường...

- Hoàn thiện, bổ sung các quy định để chấn chỉnh, nâng cao ý thức chấp hành nội quy, kỷ luật lao động và trách nhiệm của CB-CNV toàn công ty trong thực hành nhiệm vụ được giao

3.6/ Công tác Đảng, công tác chính trị

- Xây dựng và bám sát kế hoạch thực hiện CTĐ-CTCT của cả năm, nâng cao hiệu quả hoạt động Đảng uỷ, chi bộ gắn với từng nhiệm vụ SXKD, xây dựng các chương trình hành động của các tổ chức quần chúng để phát huy vai trò từ phân xưởng đến toàn công ty.

- Nắm bắt công tác tư tưởng để chấn chỉnh kịp thời, ổn định tốt tư tưởng cho NLD đặc biệt công tác tuyên truyền để người lao động hiểu, thích nghi với tình hình mới khi nguồn hàng thay đổi.

- Nâng cao vai trò của 03 tổ chức quần chúng bằng cách đổi mới phương thức hoạt động, tích cực phát động các phong trào thi đua tháng/quý để gắn kết và kích thích tinh thần cho người lao động trong toàn Công ty.

3.7/ Các giải pháp chiến lược để đạt mục tiêu chính

a. Giải pháp phát triển nguồn hàng gia công ngoài.

- Tăng cường tìm kiếm nguồn hàng để triển khai gia công ngoài. Dự kiến mục tiêu tổ chức gia công ngoài mỗi tháng 20,000 đến 30,000 sản phẩm trong đó các mặt hàng dự kiến gia công Jile; quần tây, một số mặt hàng thời trang. Hiện tại, theo thoả thuận với Oktava, khách hàng đã bao nguồn hàng Jile 3-5 ngàn áo, nguồn hàng quần tây cần phát triển gia công dự kiến từ 20 – 25 k quần. Các nguồn khách hàng cần tích cực triển khai nguồn quần:

+ 3N cho các đơn quần nội địa;

+ Ninomax.

+ Kowill và một số khách nội địa như Shinko, Phan Nguyễn.

+ Các đơn gia công ngoài từ khách hàng xuất khẩu: APG – các đơn hàng APG gồm hàng nữ, sản lượng quần nhiều, đơn giá tốt, khách hàng sẵn sàng hỗ trợ nhà máy cho triển khai gia công; Hàng Lever Style nhánh hàng nữ và Oktava hàng Cintas đang kết nối để làm việc nguồn gia công.

b. Giải pháp khai thác mặt bằng, tăng diện tích cho thuê

Năm 2022 Công ty tăng cường bố trí lại mặt bằng, cải tạo để tiếp tục khai thác diện tích sẵn có cho thuê. Từ Quý II Công ty dự kiến sắp xếp lại mặt bằng kho, khai thác thêm diện tích 1,000m cho thuê kho, dự kiến doanh thu từ hoạt động cho thuê năm 2022 đạt 2,7 tỷ đồng.

d. Giải pháp nâng cao công tác quản trị

Rà soát toàn bộ các quy trình để khắc phục các sai sót yếu kém trong quản lý chung đặc biệt tích cực khắc phục các góp ý sau khi đoàn kiểm tra nghiệp vụ kết luận.

Tiếp tục đánh giá lại các nội dung trong đề án tái cấu trúc để hoàn thiện lại phương án chiến lược cho kế hoạch năm năm 2022-2026.

Triển khai phân mềm quản lý sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

Tăng cường công tác đào tạo, đánh giá, sắp xếp lại nhân sự để ổn định các vị trí chuyên viên nghiệp vụ từ các phòng ban trung tâm đến các bộ phận phục vụ tại xưởng.

Nơi nhận:

- Ban ĐH TCT28;
- P.TCKT, P.KHKD TCT28;
- P. Chính trị TCT28;
- BGD Công ty 28.1;
- Lưu: VT, KH-TCKT; P(10).



GIÁM ĐỐC

TRẦN DOÃN THOAN



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

Căn cứ vào Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần 28.1 đã được thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2018;

Hội đồng quản trị Báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt. Báo cáo bao gồm các nội dung chính sau:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. Ý kiến của Kiểm toán viên Công ty TNHH kiểm toán An Việt: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần 28.1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Toàn bộ nội dung của Báo cáo tài chính năm 2021 đã được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Website Công ty (www.agtex28-1.com) theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
28.1
M.S.D.N: 1414846
Q.GOVAP - TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Trường Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quyết Thắng	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Ông Huỳnh Thanh Điền	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21/05/2021)
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên
Ông Võ Sỹ Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21/05/2021)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Vĩnh Long	Giám đốc
Ông Võ Sỹ Nam	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/4/2021)
Ông Nguyễn Văn Tài	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Vĩnh Long
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Số: 31 /2022/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần 28.1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28.1 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/02/2022 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 28.1 tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 21003/TC-VAE-HCM ngày 04/03/2021, kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến số dư các khoản công nợ phải trả chưa có đủ xác nhận và không đánh giá được giá trị thuần của số dư hàng tồn kho để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Vấn đề này đã được xử lý trong năm 2021.



Vũ Bình Minh
Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Tạ Thị Thắm
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3676-2021-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B01- DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70.810.790.648	69.487.390.806
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.370.695.514	6.224.763.750
1. Tiền	111	5	8.370.695.514	6.224.763.750
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.751.028.079	14.037.655.327
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	15.440.845.168	13.388.899.275
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		569.183.668	233.095.436
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	382.401.243	415.660.616
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(641.402.000)	-
III. Hàng tồn kho	140	8	46.606.639.705	46.681.400.889
1. Hàng tồn kho	141		47.302.561.347	46.681.400.889
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(695.871.642)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		82.377.350	2.543.570.840
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	82.377.350	112.696.505
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.430.874.335
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.338.759.915	26.635.960.184
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	40.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	10.000.000	40.000.000
II. Tài sản cố định	220		18.606.785.263	24.699.285.901
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	18.606.785.263	24.699.285.901
- Nguyên giá	222		90.498.955.271	90.525.788.605
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.892.170.008)	(65.826.502.704)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.721.974.652	1.896.674.283
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.721.974.652	1.896.674.283
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		91.149.550.563	96.123.350.990

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		63.466.346.319	55.422.470.954
I. Nợ ngắn hạn	310		63.466.346.319	55.322.470.954
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	30.599.819.703	16.762.502.977
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	5.517.756.651	13.355.532.534
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	318.467.189	6.993.932
4. Phải trả người lao động	314		4.289.056.782	6.449.354.654
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		60.000.000	63.400.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	2.619.540.144	1.661.694.911
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	19.908.055.991	15.382.945.936
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		153.649.859	1.640.046.010
II. Nợ dài hạn	330		-	100.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	100.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.683.204.244	40.700.880.036
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	27.683.204.244	40.700.880.036
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.633.860.000	48.633.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		48.633.860.000	48.633.860.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.135.257.619	1.135.257.619
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(22.085.913.375)	(9.068.237.583)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	421a		(9.068.237.583)	209.684.979
kỳ trước				
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(13.017.675.792)	(9.277.922.562)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		91.149.550.563	96.123.350.990

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập



Lê Thị Oanh

Kế toán trưởng



Lê Mai Dung

Giám đốc



Nguyễn Vĩnh Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MẪU SỐ B02- DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	139.538.707.848	144.558.355.868
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	-	261.188.642
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	139.538.707.848	144.297.167.226
4. Giá vốn hàng bán	11	20	133.273.749.396	130.875.789.304
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.264.958.452	13.421.377.922
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	526.489.551	768.525.707
7. Chi phí tài chính	22	22	1.701.724.985	883.394.623
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.125.536.412	690.799.343
8. Chi phí bán hàng	25	23	1.973.725.564	2.924.130.903
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	16.744.766.498	19.643.773.170
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.628.769.044)	(9.261.395.067)
11. Thu nhập khác	31	24	625.369.052	2.006.333.492
12. Chi phí khác	32	25	14.275.800	2.022.860.987
13. Lợi nhuận khác	40		611.093.252	(16.527.495)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(13.017.675.792)	(9.277.922.562)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(13.017.675.792)	(9.277.922.562)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(2.677)	(1.908)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập



Lê Thị Oanh

Kế toán trưởng



Lê Mai Dung

Giám đốc



Nguyễn Vĩnh Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(13.017.675.792)	(9.277.922.562)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.123.000.638	6.586.012.549
- Các khoản dự phòng	03	1.337.273.642	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	110.784.167	(8.935.417)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.154.831)	(2.260.304)
- Chi phí lãi vay	06	1.125.536.412	690.799.343
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.322.235.764)	(2.012.306.391)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	146.413.914	12.082.205.089
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(621.160.456)	4.908.206.865
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.711.811.194	2.069.545.098
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	205.018.756	(278.569.355)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.125.536.412)	(690.799.343)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(14.501.095)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.486.396.151)	(618.980.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.492.084.891)	15.444.800.868
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(30.500.000)	(180.664.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.154.831	2.260.304
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(29.345.169)	(178.403.696)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	57.927.429.335	32.012.955.006
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(53.292.147.533)	(37.876.543.211)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.836.063.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.635.281.802	(11.699.651.405)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.113.851.742	3.566.745.767
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.224.763.750	2.666.338.252
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	32.080.022	(8.320.269)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	8.370.695.514	6.224.763.750

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Thuý

Lê Mai Dung

Nguyễn Vĩnh Long



1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 28.1 (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV 28.1 theo Quyết định số 2103/QĐ-BQP ngày 04/06/2015 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 26 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 48.633.860.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 3 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 476 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 596 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất hàng may mặc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan);
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may;
- Lưu giữ hàng hóa, cho thuê kho bãi.

1.2. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đang thể hiện Công ty gặp một số khó khăn về tình hình tài chính, thể hiện: kết quả kinh doanh trong năm 2021 tiếp tục lỗ khoảng 13 tỷ đồng dẫn đến số lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2021 khoảng 22,085 tỷ đồng (chiếm khoảng 45,41% vốn góp của chủ sở hữu), dòng tiền cho hoạt động kinh doanh năm 2021 bị âm. Thị trường của Công ty trong năm 2021 tiếp tục bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19; tuy nhiên sang năm 2022 với sự bao phủ của việc tiêm vắc xin, Chính phủ nhiều nước dỡ bỏ các lệnh hạn chế đi lại, thị trường của Công ty đang dần phục hồi. Ban Giám đốc tin tưởng rằng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty sẽ tốt lên trong thời gian tới và không ảnh hưởng tới tình hoạt động liên tục của Công ty.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.5. Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái, số dư khoản mục này được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.4.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định được áp dụng như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 07

4.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.4.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về lãi tiền vay phải trả và số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

4.11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi; cổ tức, lợi nhuận được chia (nếu có); lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- (a) Lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ;
- (b) Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận;
- (c) Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

4.15. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty; những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	27.522.198	135.327
Tiền gửi ngân hàng	8.343.173.316	6.224.628.423
Cộng	<u>8.370.695.514</u>	<u>6.224.763.750</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	611.410.900	-
Công ty Kinh doanh thời trang - Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	470.319.100	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công Ty 28	141.091.800	-
Phải thu khách hàng khác	14.829.434.268	13.388.899.275
Levertex Company Ltd	-	3.371.608.302
Công ty Cổ phần Thời trang Kowil VN S	2.402.326.850	1.919.601.750
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Travali	1.139.300.500	1.839.300.500
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Ngân Hà	2.386.774.200	1.541.078.000
Itochu Prominent USA LLC	5.215.492.334	-
Các khách hàng khác	3.685.540.384	4.717.310.723
Cộng	<u>15.440.845.168</u>	<u>13.388.899.275</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	382.401.243	-	415.660.616	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 (Bên liên quan)	352.690.901	-	409.658.077	-
Các khoản khác	29.710.342	-	6.002.539	-
Dài hạn	10.000.000	-	40.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	40.000.000	-
Cộng	392.401.243	-	455.660.616	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	789.142.108	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	20.855.317.488	(425.234.372)	10.017.004.618	-
Phụ tùng thay thế	96.211.659	-	19.114.315	-
Công cụ, dụng cụ	16.366.727	-	9.830.144	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.901.495.439	-	2.446.831.770	-
Thành phẩm	19.637.477.991	(270.637.270)	33.949.015.042	-
Hàng hoá	6.549.935	-	239.605.000	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Cộng	47.302.561.347	(695.871.642)	46.681.400.889	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	82.377.350	112.696.505
Công cụ dụng cụ	-	37.592.005
Chi phí sửa chữa	82.377.350	75.104.500
Dài hạn	1.721.974.652	1.896.674.283
Công cụ dụng cụ xuất dùng	674.586.659	614.020.920
Chi phí sửa chữa tài sản	1.047.387.993	1.282.653.363
Cộng	1.804.352.002	2.009.370.788

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo
MÃU SỐ B09 - DN
10. NỢ XẤU

	31/12/2021				01/01/2021			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Nahy	1-2 năm	193.504.000	96.752.000	96.752.000	6 tháng - 1 năm	273.504.000	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Travali	1-2 năm	1.139.300.500	594.650.500	544.650.000	6 tháng - 1 năm	1.839.300.500	-	-
Cộng		1.332.804.500	691.402.500	641.402.000		2.112.804.500	-	-

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2021	26.257.141.171	58.765.591.165	2.184.247.890	340.536.200	2.978.272.179	90.525.788.605
Mua trong năm	-	30.500.000	-	-	-	30.500.000
Giảm khác	-	(57.333.334)	-	-	-	(57.333.334)
Tại ngày 31/12/2021	26.257.141.171	58.738.757.831	2.184.247.890	340.536.200	2.978.272.179	90.498.955.271
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2021	18.170.238.829	43.156.402.969	1.422.163.619	340.536.200	2.737.161.087	65.826.502.704
Khấu hao trong năm	669.237.447	5.159.731.955	156.253.452	-	137.777.784	6.123.000.638
Giảm khác	-	(57.333.334)	-	-	-	(57.333.334)
Tại ngày 31/12/2021	18.839.476.276	48.258.801.590	1.578.417.071	340.536.200	2.874.938.871	71.892.170.008
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2021	8.086.902.342	15.609.188.196	762.084.271	-	241.111.092	24.699.285.901
Tại ngày 31/12/2021	7.417.664.895	10.479.956.241	605.830.819	-	103.333.308	18.606.785.263
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng</i>	224.405.650	23.456.088.184	773.129.345	340.536.200	1.858.272.179	26.652.431.558

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Prominent (Europe) Ltd	3.075.984.443	3.075.984.443	3.292.309.434	3.292.309.434
Lever Apparel Limited	16.597.738.086	16.597.738.086	2.987.395.154	2.987.395.154
Levertex Co, Ltd	2.132.242.597	2.132.242.597	2.936.011.039	2.936.011.039
Công ty Cổ phần Kết nối Thời trang	2.605.093.552	2.605.093.552	2.551.672.200	2.551.672.200
Các nhà cung cấp khác	6.188.761.025	6.188.761.025	4.995.115.150	4.995.115.150
Cộng	30.599.819.703	30.599.819.703	16.762.502.977	16.762.502.977

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Bắc Sài Gòn	15.382.945.936	15.382.945.936	58.031.543.557	53.506.433.502	19.908.055.991	19.908.055.991
Cộng	15.382.945.936	15.382.945.936	58.031.543.557	53.506.433.502	19.908.055.991	19.908.055.991

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 31391.21.201.150496.TD ngày 9/7/2021 với hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh may mặc của khách hàng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến hết ngày 04/06/2022. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tiền ký quỹ, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do MB phát hành, trái phiếu chính phủ và tín phiếu kho bạc; hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm do tổ chức tín dụng khác phát hành; bất động sản, phương tiện vận tải; toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển bao gồm nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm tại địa chỉ kho số 03 đường Nguyễn Oanh, Phường 10, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của đơn vị; và quyền đòi nợ hình thành từ hoạt động kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Itochu Prominent USA LLC	-	8.382.656.799
Prominenr (Europe) Ltd	1.600.249.031	4.107.153.735
APG & CO., PTY LTD	3.779.033.579	-
Các khách hàng khác	138.474.041	865.722.000
Cộng	<u>5.517.756.651</u>	<u>13.355.532.534</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>01/01/2021</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>31/12/2021</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.214.840.030	944.169.920	270.670.110
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	408.739.442	408.739.442	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	215.063.226	215.063.226	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.993.932	83.380.312	42.577.165	47.797.079
Các khoản thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>6.993.932</u>	<u>1.925.023.010</u>	<u>1.613.549.753</u>	<u>318.467.189</u>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	2.619.540.144	1.661.694.911
Kinh phí công đoàn	964.614.788	977.988.764
Các khoản bảo hiểm	596.580.330	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	395.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	663.345.026	683.706.147
Dài hạn	-	100.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	100.000.000
Cộng	<u>2.619.540.144</u>	<u>1.761.694.911</u>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>LNST chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	48.633.860.000	1.135.257.619	6.909.453.018	56.678.570.637
Lỗi trong năm	-	-	(9.277.922.562)	(9.277.922.562)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(6.699.768.039)	(6.699.768.039)
Tại ngày 01/01/2021	<u>48.633.860.000</u>	<u>1.135.257.619</u>	<u>(9.068.237.583)</u>	<u>40.700.880.036</u>
Lỗi trong năm	-	-	(13.017.675.792)	(13.017.675.792)
Tại ngày 31/12/2021	<u>48.633.860.000</u>	<u>1.135.257.619</u>	<u>(22.085.913.375)</u>	<u>27.683.204.244</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2021	01/01/2021
	%	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	65,00%	31.612.010.000	31.612.010.000
Các cổ đông khác	35,00%	17.021.850.000	17.021.850.000
Cộng	100%	48.633.860.000	48.633.860.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	48.633.860.000	48.633.860.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	48.633.860.000	48.633.860.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	5.836.063.200

Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386
	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu**18. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021	01/01/2021
USD	356.994,65	255.544,58

Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2021	01/01/2021
Vải các loại (mét)	107.870,12	35.931,29
Nguyên liệu khác (mét)	286.979,91	27.428,31
Nhãn các loại (cái)	1.400.422,00	-

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH May mặc S.M	6.308.051.602	6.308.051.602

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.538.707.848	144.558.355.868
Doanh thu xuất khẩu	80.582.578.250	101.332.428.980
Doanh thu nội địa	56.533.293.496	40.979.134.698
Doanh thu dịch vụ khác	2.422.836.102	2.246.792.190
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	261.188.642
Hàng bán bị trả lại	-	261.188.642
Doanh thu thuần	<u>139.538.707.848</u>	<u>144.297.167.226</u>

Doanh thu với các bên liên quan

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Công ty Kinh doanh thời trang - Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	5.521.506.250	12.607.140.000
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công Ty 28	2.855.538.000	-
Trung tâm may đo	-	3.080.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công Ty 28	4.626.810.750	7.696.957.791
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	596.737.550	-
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú	1.500.000	-

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Giá vốn xuất khẩu	76.903.977.415	91.343.884.668
Giá vốn nội địa	52.439.678.086	38.895.321.308
Giá vốn dịch vụ khác	3.234.222.253	636.583.328
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	695.871.642	-
Cộng	<u>133.273.749.396</u>	<u>130.875.789.304</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.154.831	2.260.304
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	525.334.720	757.329.986
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.935.417
Cộng	<u>526.489.551</u>	<u>768.525.707</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.125.536.412	690.799.343
Chiết khấu thanh toán	439.451.312	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.501.584	192.595.280
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	108.235.677	-
Cộng	1.701.724.985	883.394.623

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí bán hàng	1.973.725.564	2.924.130.903
Chi phí vật liệu, bao bì	41.916.644	42.676.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.024.129.437	2.211.638.249
Chi phí khác	907.679.483	669.816.054
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.744.766.498	19.643.773.170
Chi phí nhân công	10.346.221.164	13.092.532.661
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.096.512.690	1.907.411.030
Chi phí khấu hao tài sản cố định	151.620.528	151.620.528
Thuế, phí và lệ phí	139.610.399	221.140.351
Dự phòng phải thu khó đòi	641.402.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.284.326.087	1.194.820.181
Chi phí khác	3.085.073.630	3.076.248.419
Cộng	18.718.492.062	22.567.904.073

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền hỗ trợ nhận được từ Tổng công ty 28	-	2.000.000.000
Tiền hỗ trợ nhận được từ khách hàng	584.164.376	-
Các khoản khác	41.204.676	6.333.492
Cộng	625.369.052	2.006.333.492

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí đào tạo từ nguồn hỗ trợ từ Tổng công ty 28	-	2.000.000.000
Các khoản bị phạt, chậm nộp	-	11.065.916
Các khoản khác	14.275.800	11.795.071
Cộng	14.275.800	2.022.860.987

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.055.149.116	78.383.733.203
Chi phí nhân công	50.485.980.917	61.442.872.317
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.123.000.638	6.586.012.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.043.033.242	18.629.828.405
Chi phí khác bằng tiền	8.189.404.633	6.381.900.978
Cộng	<u>138.896.568.546</u>	<u>171.424.347.452</u>

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.017.675.792)	(9.277.922.562)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(13.017.675.792)	(9.277.922.562)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.863.386	4.863.386
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(2.677)</u>	<u>(1.908)</u>

28. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối liên hệ</u>
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	Công ty mẹ
Công ty Kinh doanh thời trang - Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp may đo	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công Ty 28	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú	Cùng Công ty mẹ

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	3.147.487.915	4.523.623.029
Xí nghiệp May đo	-	606.735.742
Công ty Kinh doanh thời trang - Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	-	46.365.908
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	-	3.902.400
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú	4.289.308	-
Chi trả cổ tức		
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	-	3.793.441.200

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên HĐQT, Giám đốc	360.114.074	137.457.706
Ông Vũ Sỹ Nam	Thành viên HĐQT, Giám đốc	227.117.733	-
Ông Nguyễn Thanh Huyền	Phó chủ tịch, Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/8/2020)	-	251.076.923
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT	-	140.248.918
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phó Giám đốc (điều chuyển từ tháng 7/2020)	-	148.336.101
Cộng		587.231.806	677.119.648

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh Công cụ tài chính.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2021	Giá trị ghi sổ 01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.370.695.514	6.224.763.750
Phải thu của khách hàng	15.440.845.168	13.388.899.275
Phải thu khác	392.401.243	455.660.616
Cộng	24.203.941.925	20.069.323.641
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	30.599.819.703	16.762.502.977
Chi phí phải trả	60.000.000	63.400.000
Phải trả khác	1.058.345.026	783.706.147
Vay và nợ thuê tài chính	19.908.055.991	15.382.945.936
Cộng	51.626.220.720	32.992.555.060
Trừ đi các khoản dự phòng	(641.402.000)	-

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận được.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<u>Đến 1 năm</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> VND
Tại ngày 31/12/2021		
Phải trả người bán	30.599.819.703	-
Chi phí phải trả	60.000.000	-
Phải trả khác	1.058.345.026	-
Vay và nợ thuê tài chính	19.908.055.991	-
Cộng	<u>51.626.220.720</u>	<u>-</u>
Tại ngày 01/01/2021		
Phải trả người bán	30.599.819.703	-
Chi phí phải trả	60.000.000	-
Phải trả khác	683.706.147	100.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	15.382.945.936	-
Cộng	<u>46.726.471.786</u>	<u>100.000.000</u>

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN VIỆC LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đại dịch Covid 19 xuất hiện từ đầu năm 2020 đến nay vẫn chưa được khống chế đã ảnh hưởng tiêu cực tới tất cả mọi hoạt động của xã hội. Do ảnh hưởng của đại dịch nên các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty trong năm 2021 cũng đã bị ảnh hưởng, đặc biệt là trong giai đoạn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Chính phủ. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đang tiếp tục theo dõi, đánh giá rủi ro một cách thận trọng để có các quyết định phù hợp đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tới. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã phản ánh thực trạng tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm và không có điều chỉnh cần thiết nào khác liên quan đến ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 tới số liệu báo cáo tài chính này.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác.

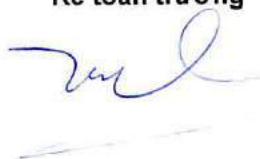
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập



Lê Thị Oanh

Kế toán trưởng



Lê Mai Dung

Giám đốc



Nguyễn Vĩnh Long

Số: 09/BC-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP 28.1;

Căn cứ kết quả bầu cử Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và ĐHĐCĐ bất thường năm 2021;

Căn cứ tình hình thực tế hoạt động năm 2021 của HĐQT Công ty CP 28.1;

Tôi xin thay mặt Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2021 và định hướng nhiệm vụ năm 2022 như sau:

I. Hoạt động của HĐQT năm 2021

HĐQT Công ty CP 28.1 có 5 thành viên do ĐHĐCĐ thường niên bầu ra, gồm:

Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quyết Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Tài	Ủy viên
Ông Huỳnh Thanh Điền	Ủy viên

Do có sự điều chuyển công tác nên tại ĐHĐCĐ thường niên đã bầu ra HĐQT mới gồm các thành viên sau:

Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quyết Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Tài	Ủy viên
Ông Vũ Sỹ Nam	Ủy viên

HĐQT hoạt động theo nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Với tinh thần trách nhiệm cao trước cổ đông, người lao động và sự phát triển bền vững của Công ty, ngay từ đầu năm 2021, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt chức năng quản trị, giám sát, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời, HĐQT đã đề ra chủ trương, giải pháp xử lý tốt các vướng mắc phát sinh, khó khăn của Ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. HĐQT nhất trí với báo cáo kết quả SXKD năm 2021 của Giám đốc Công ty.

Trong năm 2021, HĐQT đã họp 5 phiên chính thức để lấy ý kiến và đưa ra các quyết định quan trọng thuộc thẩm quyền của HĐQT.

1. Phiên họp lần thứ 1.

- Tổ chức ngày 31/03/2021
- Thành phần: gồm 5 thành viên trong HĐQT, 1 thành viên mở rộng và thư ký HĐQT.



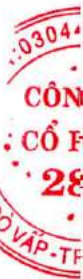
- Nội dung:
 - Nguyễn Vĩnh Long báo cáo tình hình hoạt động của Công ty trong Q1/2021
 - Thay đổi nhân sự từ ngày 1/4/2021 theo kết luận của Đảng ủy Công ty.
 - Thông qua kế hoạch tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
 - Phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc chi tiết.
 - Rà soát lại kế hoạch quý 2 để báo cáo Tổng Công ty chi tiết đề nghị Tổng công ty hỗ trợ giao nguồn hàng Quốc phòng.
 - Bố trí tác nghiệp sản xuất để triển khai ngay hàng thuê đảm bảo chất lượng và thời gian giao hàng.

2. Phiên họp lần thứ 2.

- Tổ chức ngày 28/4/2021
- Thành phần: gồm 3 thành viên trong HĐQT, 1 thành viên mở rộng và thư ký HĐQT. 2 thành viên HĐQT vắng mặt do đi công tác
- Nội dung:
 - Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh trong tháng 4/2021.
 - Kế hoạch phân công tháng 5/2021.
 - Phát động phong trào thi đua mừng ngày truyền thống TCT và tuyên truyền bầu cử.
 - Hoàn thành việc cải tạo kho để quy hoạch lại mặt bằng nhằm tăng diện tích cho thuê. Đề nghị cho đầu tư 1 xe nâng mới chạy điện phục vụ công tác sắp xếp hàng hóa trong kho và đảm bảo an toàn PCCC .
 - Tiếp tục tăng cường thu hồi công nợ, đặc biệt là 2 khoản nợ quá hạn.
 - Đề nghị xem xét cho tăng tỷ lệ trích quỹ lương.
 - Chốt thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông: 13h30 ngày 21/5/2021. Giao Ban điều hành hoàn chỉnh các tài liệu, phân công tổ chức để đảm bảo đại hội tiến hành đúng quy định.

3. Phiên họp lần thứ 3.

- Tổ chức ngày 22/6/2021.
- Thành phần: gồm 5 thành viên trong HĐQT và thư ký HĐQT.
- Nội dung:
 - Thông qua nội dung tái ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn
 - Công tác nhân sự phòng kỹ thuật
 - Nội dung các báo cáo chuẩn bị báo cáo Chủ tịch Tổng Công ty về tình hình Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm và chiến lược những năm sắp tới.
 - Báo cáo các giải pháp cụ thể về cải tạo nhà xưởng, kho bãi ngay sau khi hết dịch.
 - Kiến nghị với TCT về hỗ trợ vốn, bảo lãnh ngân hàng, hỗ trợ lương thưởng cuối năm.
 - Xây dựng chiến lược: Yêu cầu xây dựng kỹ số liệu và báo cáo HĐQT trước khi báo cáo Chủ tịch TCT.



4. Phiên họp lần thứ 4.

- Tổ chức ngày 15/10/2021.
- Thành phần: gồm 5 thành viên trong HĐQT và thư ký HĐQT.
- Nội dung:
 - Ban GD báo cáo kế hoạch xử lý các tồn đọng theo kết luận tại cuộc họp của tổ giám sát đặc biệt ngày 12/10/2021
 - Báo cáo công tác xây dựng chiến lược Công ty 5 năm 2021-2025: Dự kiến sáp nhập 2 phòng TCKT và HCHC thành phòng Tài chính hành chính; Xưởng cắt và xưởng may thành 1 xưởng sản xuất; Phòng kế hoạch đổi tên thành phòng Kế hoạch kinh doanh. Thời gian thực hiện từ 1/1/2022. Định biên cụ thể có báo cáo trong chiến lược công ty giai đoạn 2021-2025.
 - Đối với phương án lương 6 tháng cuối năm: Căn cứ phê duyệt của Chủ tịch TCT đề nghị HĐQT cho phép trả lương ban điều hành ngoài tỷ lệ 76% đang áp dụng.
 - Đối với công tác nguồn hàng, khách hàng: Nguồn hàng đã đảm bảo cho sản xuất từ nay đến hết quý 1/2022.
 - Công tác nhân sự Sắp xếp lại và luân chuyển nhân sự giữa các phòng để đảm bảo công việc.
 - Định hướng xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022.

▪ Phiên họp lần thứ 5.

- Tổ chức ngày 10/11/2021.
- Thành phần: gồm 5 thành viên trong HĐQT và thư ký HĐQT
- Nội dung:
 - Ban điều hành Công ty cổ phần 28.1 báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Tháng 10, kế hoạch sản xuất kinh doanh Tháng 11 và Quý IV; ước Thực hiện năm 2021; Kế hoạch năm 2022.
 - Nghe báo cáo kết quả hoạt động của 2 Tổ thu hồi công nợ và Tổ xử lý hàng tồn kho.
 - Nghe báo cáo công tác nhân sự: Ông Nguyễn Vĩnh Long báo cáo tình hình sắp xếp nhân sự theo mô hình định biên mới năm 2022 đã thông qua Đảng ủy Công ty CP 28.1. Các phòng nghiệp vụ định biên 1 trưởng và 1 phó phòng.
 - Nguyễn Vĩnh Long báo cáo tình hình khảo sát nhà máy của Công ty Sắc màu tại Sóc trăng để hợp tác sản xuất hàng gia công với năng lực đảm bảo đáp ứng khoảng 20.000 sản phẩm/tháng và xin ý kiến về việc tổ chức lễ kỷ niệm 30 năm ngày truyền thống công ty 2/12/2021

II. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2022

Năm 2022, trong bối cảnh dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến nhiều phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến khách hàng, nguồn hàng của Công ty, HĐQT dự kiến đề ra kế hoạch hoạt động trong năm 2022 như sau:

- Tăng cường công tác dự báo, định hướng nguồn hàng, khách hàng để đảm bảo ổn định sản xuất của Công ty. Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị của Công ty để đảm bảo sự phát triển bền vững. Tập trung chính vào thực hiện chức năng giám sát của Công ty theo định hướng chiến lược hoạt động SXKD của Công ty. Đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của ĐHCĐ Công ty; Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 được ĐHCĐ thường niên thông qua.

342
G TY
HÂN
.1
HỒ C

Định kỳ tổ chức các phiên họp tối thiểu 3 tháng một lần, tổ chức các cuộc họp bất thường (nếu có) để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT. HĐQT sẽ nghe báo cáo tổng quát về việc thực hiện các nhiệm vụ, ý kiến đề xuất của Công ty, thảo luận và quyết định thông qua các biện pháp, giải quyết các vấn đề phát sinh của Công ty.

Trên cơ sở Quyết nghị của ĐHCĐ ngày hôm sau, HĐQT sẽ tiếp tục cụ thể hoá Nghị quyết thành các mục tiêu, kế hoạch theo quý, theo 6 tháng, đồng thời, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022.

Năm 2022, HĐQT sẽ nỗ lực cùng Ban giám đốc Công ty, người lao động tận dụng những thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn thách thức để giữ vững sự phát triển bền vững của Công ty, thực hiện tốt các chỉ tiêu do ĐHCĐ đề ra. Đồng thời, HĐQT mong nhận được sự tin tưởng, gắn bó và đồng thuận của Quý cổ đông trong các hoạt động của Công ty.

Trân trọng gửi tới toàn thể Quý cổ đông lời chúc sức khoẻ và thành công!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trường Sơn



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2022

Kính thưa: Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần 28.1;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần 28.1;

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần 28.1 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán số 31/2022/BCKT-AVI-TC1 ngày 10/03/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán và An Việt về việc Báo cáo kiểm toán độc lập tại thời điểm 31/12/2021 của Công ty Cổ phần 28.1;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát Công ty Cổ phần 28.1 xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với các nội dung chính như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tại Công ty Cổ phần 28.1 ngày 30/05/2020, Chúng tôi được Đại hội đồng cổ đông bầu là thành viên Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát đã thống nhất phân công nhiệm vụ như sau:

- | | | |
|--------|-------------------|------------|
| 1. Ông | Nguyễn Hữu Phước | Trưởng ban |
| 2. Bà | Trần Thị Mỹ | Thành viên |
| 3. Ông | Nguyễn Thanh Định | Thành viên |

Trong năm 2021 Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với nội dung như sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc theo Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty.

- Kiểm soát báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; Kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động... của Công ty; Kiểm soát doanh thu, chi phí, việc sử dụng vốn có đúng mục đích và hiệu quả; Thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông.

Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã kiểm tra các văn bản nội bộ của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị và điều hành

Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương trong việc tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội đồng cổ đông. Trong quá trình kiểm tra, Ban kiểm soát đã tham gia đóng góp ý kiến với những nội dung về công tác sản xuất kinh doanh, công tác quản lý và một số công tác khác của Công ty.

Đối với cổ đông, Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD

1. Về thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2021

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2021, Công ty đã được thực hiện đầy đủ, rõ ràng, trung thực trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Khoản mục	Đvt	Kế hoạch Năm 2021	Kế hoạch đ/c năm 2021	Thực hiện năm 2021	TH/KH (%)
1. Vốn điều lệ	Đồng	48.633.860.000	48.633.860.000	48.633.860.000	100,00
- Nhà nước (TCT)	“	31.612.010.000	31.612.010.000	31.612.010.000	100,00
- Cổ đông khác	“	17.021.850.000	17.021.850.000	17.021.850.000	100,00
2. Doanh thu	Đồng	195.000.000.000	134.994.000.000	140.690.566.451	104,22
3. Lợi nhuận trước thuế	Đồng	-5.858.000.000	-17.384.000.000	-13.017.675.792	133,54
4. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	-	-	-	-
5. Trích lập các quỹ	Đồng	-	-	-	-
- Quỹ đầu tư phát triển	“	-	-	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	“	-	-	-	-
- Quỹ thưởng BĐH, CBQL	“	-	-	-	-
6. Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	-	-	-	-
7. DK thực hiện chia cổ tức	Đồng	-	-	-	-
- Nhà nước (TCT)	“	-	-	-	-
- Cổ đông khác	“	-	-	-	-
8. Giá trị GCCB	Đồng	83.187.000.000	50.126.000.000	52.089.238.106	103,92
9. Lao động bình quân	Người	600	523	523	100,00
10. Thu nhập bình quân	Đ/Ng	9.505.000	7.033.000	8.303.544	118,07
11. Tỷ suất LNTT/VCSH	%	-11,40	-50,04	-26,16	191,30
12. Tỷ suất LNTT/DT	%	-3,00	-12,88	-9,25	139,18

2. Về kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu năm 2022

Khoản mục	Đvt	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	KH/TH (%)
1. Vốn điều lệ	Đồng	48.633.860.000	48.633.860.000	100,00
- Nhà nước (TCT)	“	31.612.010.000	31.612.010.000	100,00
- Cổ đông khác	“	17.021.850.000	17.021.850.000	100,00
2. Doanh thu	Đồng	140.690.566.451	250.800.000.000	178,26
3. Lợi nhuận trước thuế	Đồng	-13.017.675.792	50.000.000	-
4. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	-	-	-
5. Trích lập các quỹ	Đồng	-	-	-
- Quỹ đầu tư phát triển	“	-	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	“	-	-	-
- Quỹ thưởng BDH, CBQL	“	-	-	-
6. Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	-	-	-
7. Chia cổ tức	Đồng	-	-	-
- Nhà nước (TCT)	“	-	-	-
- Cổ đông khác	“	-	-	-
8. Giá trị GCCB	Đồng	52.089.238.106	81.500.000.000	156,46
9. Lao động bình quân	Người	523	472	90,25
10. Thu nhập bình quân	Đ/Ng	8.303.544	9.406.000	113,28
11. Tỷ suất LNTT/VCSH	%	-26,16	0,16	-
12. Tỷ suất LNTT/DT	%	-9,25	0,02	-

III. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thẩm định báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hệ thống chứng từ kế toán, sổ sách kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định.

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Ý kiến của Kiểm toán viên: Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 28.1 tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021

Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2020
Tổng tài sản	91.149.550.563	96.123.350.990
A. Tài sản ngắn hạn	70.810.790.648	69.487.390.806
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	8.370.695.514	6.224.763.750
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	15.751.028.079	14.037.655.327
3. Hàng tồn kho	46.606.689.705	46.681.400.889
4. Tài sản ngắn hạn khác	82.377.350	2.543.570.840
B. Tài sản dài hạn	20.338.759.915	26.635.960.184
1. Các khoản phải thu dài hạn	10.000.000	40.000.000
2. Tài sản cố định	18.606.785.263	24.699.285.901
3. Tài sản dài hạn khác	1.721.974.652	1.896.674.283
Tổng nguồn vốn	91.149.550.563	96.123.350.990
A. Nợ phải trả	63.466.346.319	55.422.470.954
1. Nợ ngắn hạn	63.466.346.319	55.322.470.954
2. Nợ dài hạn	-	100.000.000
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	27.683.204.244	40.700.880.036

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2021

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	31/12/2021	31/12/2020
1	Cơ cấu tài sản			
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	77,69	72,29
-	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	22,31	27,71
2	Cơ cấu nguồn vốn			
-	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	69,63	57,66
-	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	30,37	42,34
-	Nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	2,29	1,36
3	Khả năng thanh toán			
-	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,38	0,41
-	Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1,12	1,26
4	Hiệu quả			
-	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	%	-14,93	-10,05
-	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	%	-9,25	-6,31
-	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	%	-26,16	-18,64

IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

1. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Ban Giám đốc

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty.

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, các văn bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động, những kết quả đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề tồn tại cần khắc phục và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2022. Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc về các mặt của Công ty.

2. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021

Đối diện với những thách thức chưa từng có do đại dịch Covid-19 mang lại. Năm 2021, một năm trong 10 năm qua nước ta lại bị thiệt hại lớn về người và tài sản, ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của người dân. Vì thế, dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp thiếu hụt đơn hàng ngay từ đầu năm, thậm chí, chỉ nhận đơn hàng theo từng tháng, từng tuần. Nhận biết được điều này, Công ty đã luôn cố gắng đưa ra các kế hoạch sản xuất bằng cách xác định nguồn hàng từ các khách hàng, ổn định sản xuất trong năm. Cùng với tình hình khó khăn về nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu nhưng công ty không ngừng tìm kiếm các nguồn hàng thay thế.

Năm 2021, Công ty cơ bản phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, không đảm bảo kế hoạch mục tiêu đặt ra từ đầu năm. Trong năm do tình hình covid kéo dài, trong quý 4/2021 HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế đã họp và quyết định điều chỉnh kế hoạch sau khi có số liệu báo cáo tài chính 9 tháng năm 2021 (Quyết định điều chỉnh kế hoạch đã được ĐHĐCĐ 2021 giao cho HĐQT thực hiện), kết quả cuối năm Công ty thực hiện hoàn thành tất cả các chỉ tiêu theo kế hoạch điều chỉnh và giảm lỗ được 4,366 tỷ đồng. Tính đến ngày 31/12/2021, các chỉ số tài chính của Công ty về cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán vẫn đảm bảo, còn chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đều âm thể hiện tình hình tài chính mất an toàn, vốn đầu tư của cổ đông không được bảo toàn.

Công ty quản lý, theo dõi và phản ánh chính xác, kịp thời các khoản công nợ phải thu, phải trả chi tiết theo từng đối tượng, thời hạn nợ, tuổi nợ bình quân... đối với từng khách hàng.

Công ty đã thực hiện tốt nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước và BQP, thực hiện quyết toán thuế đến năm 2019 và đã kê khai quyết toán thuế năm 2021.

Về kết quả thực hiện việc điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 trong tình hình dịch covid: Công ty đã thực hiện điều chỉnh kế hoạch trong quý 4/2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Về kết quả thực hiện việc phân phối lợi nhuận: Công ty không thực hiện phân phối lợi nhuận theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Về kết quả thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính: Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán An Việt đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Về kết quả thực hiện việc chi trả thù lao cho HĐQT và BKS: Công ty đã thực hiện chi trả 74.580.000 đồng đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Về kết quả thực hiện việc đầu tư: Công ty đã thực hiện đầu tư XD CB, MMTB, CCDC với giá trị 543.830.000 đồng / 0 đồng, tăng 543.830.000 đồng so với kế hoạch điều chỉnh.

Sau khi xem xét, thẩm tra, Ban kiểm soát hoàn toàn đồng ý với Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán An Việt; Ban kiểm soát Công ty nhất trí xác nhận số liệu tại Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Nhìn chung, năm 2021 Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cơ bản chấp hành nghiêm Điều lệ, quy chế đã ban hành; Các chính sách về quản lý tài chính, chế độ kế toán thống kê thực hiện theo đúng quy định; Có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, các phòng ban, phân xưởng đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, tình hình tài chính mất an toàn, vốn đầu tư của cổ đông không được bảo toàn.

3. Các hoạt động công tác khác

Các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo đúng pháp luật, các chế độ, quyền lợi của CBCNV được thực hiện theo đúng Luật lao động, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cụ thể:

- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy trình của Bộ Luật lao động.

- Thực hiện kiểm kê hàng hóa tồn kho theo định kỳ 1 năm 2 lần vào thời điểm 01/07 và 31/12. Công ty đã ban hành định mức hàng tồn kho, công tác quản trị hàng tồn kho tốt, giá trị tồn kho bình quân năm 40.320.035.065 đồng / 60.000.000.000 đồng, đạt 0,67 lần so với định mức ban hành.

- Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV ngoài việc thực hiện đúng Luật lao động còn có biện pháp theo dõi, sắp xếp lực lượng lao động trong Công ty phù hợp với sức khỏe của người lao động.

- Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng kịp thời đầy đủ. Ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, từ trần, ốm đau, bệnh tật, tai nạn lao động... được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác nhằm đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động, Công ty còn tổ chức tham quan học tập, nghỉ mát, phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao...

- Các tổ chức chính trị xã hội: Công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện và thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước, Luật doanh nghiệp.

V. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2022 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Stt	Nội dung kiểm soát	Thời gian thực hiện	Đơn vị phối hợp
1	Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và	T05/2022	PTCKT - PKH

	báo cáo tài chính 3 tháng ĐN năm 2022		
2	Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính 6 tháng ĐN năm 2022	T08/2022	“
3	Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính 9 tháng ĐN năm 2022	T11/2022	“
4	Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo quyết toán tài chính năm 2022 trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập	T03/2023	“
5	Xem xét và thống nhất báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên	T03/2023	Các đơn vị trong Công ty
6	Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Đột xuất	HĐQT
7	Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; Xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý	1 quý/1 lần	HĐQT - BGD
8	Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022	6 tháng/1 lần	HĐQT - BGD
9	Giám việc thực thi công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông	1 quý/1 lần	PTCKT - PKH
10	Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát	Đột xuất	Các đơn vị trong Công ty

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất hiện đại và tính toán phương án sản xuất kinh doanh tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao; Đảm bảo các sản phẩm đạt chất lượng, đảm bảo kế hoạch giao hàng đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Đại hội đồng cổ đông giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty.

- Duy trì thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác quản lý và thực hành tiết kiệm trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, đặc biệt chú trọng sử dụng triệt để nguyên phụ liệu tồn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát chi phí quản lý tại Công ty có hiệu quả.

- Thực hiện tuân thủ các thủ tục, quy trình về đầu tư, mua sắm tài sản theo quy định. Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị đúng theo kế hoạch để đáp ứng tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao năng suất.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo đủ vốn, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy

trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ về quản trị Công ty, các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng Điều lệ Công ty và đúng pháp luật.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.

- Nghiên cứu đưa ra chính sách và biện pháp phù hợp để tuyển dụng được lao động nhằm bổ sung nguồn lao động đang thiếu hụt năm 2022, rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn, đồng thời tinh giảm một số vị trí công tác dư thừa so với định biên.

- Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến chính sách tiền lương, tiền thưởng để động viên, khuyến khích người lao động làm việc với hiệu quả cao nhất.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa hạn chế sai sót trong mọi hoạt động của Công ty.

Trên đây là báo cáo của BKS, cuối cùng xin kính chúc quý vị đại biểu, quý vị cổ đông nhiều sức khỏe, thành công và hạnh phúc. Chúc đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hữu Phước

CÔNG TY TNHH MTV
TỔNG CÔNG TY 28
CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 62 /TTr-CTCP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC BÁO CÁO KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO CHO HĐQT VÀ BKS NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần 28.1 đã được thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2018.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

- 1. Mức thù lao của HĐQT (03 người) : 3.215.000 đồng/tháng**
 - Chủ tịch HĐQT (01 người) : 1.215.000 đồng/người/tháng
 - Thành viên HĐQT (02 người) : 1.000.000 đồng/người/tháng
- 2. Mức thù lao của BKS (03 người) : 1.000.000 đồng/tháng**
 - Trưởng BKS (01 người) : 500.000 đồng/người/tháng
 - Thành viên BKS (02 người) : 250.000 đồng/người/tháng
- 3. Tổng cộng: 4.215.000 đồng/tháng, 50.580.000 đồng/năm.**

Kính mong Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trường Sơn

Số: 63 /TTr-CTCP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC BÁO CÁO LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Để đảm bảo việc tuân thủ pháp luật và tạo điều kiện thuận lợi, chủ động trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

1. Đề xuất các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Hội đồng quản trị xin đề xuất các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Chọn một đơn vị kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các Công ty đại chúng.
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu của Công ty và có mức phí kiểm toán hợp lý.
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện Báo cáo kiểm toán.

2. Đề xuất các đơn vị kiểm toán độc lập

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn nêu trên, Hội đồng quản trị xin đề xuất 03 đơn vị kiểm toán có uy tín như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

3. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông

- Thông qua các tiêu chí lựa chọn và danh sách 03 đơn vị kiểm toán độc lập nêu trên để làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 trong 03 đơn vị kiểm toán độc lập nêu trên và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

- Trong trường hợp đàm phán với 03 đơn vị kiểm toán độc lập nêu trên không thành công, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được toàn quyền lựa chọn một đơn vị kiểm toán độc lập khác đáp ứng các tiêu chí lựa chọn tại mục 1 nêu trên để thực hiện.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trường Sơn

C.TY TNHH MTV TỔNG CTY 28
CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 69/TTTr-CTCP Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc báo cáo xem xét nhân sự từ nhiệm và đề cử nhân sự bổ sung thành viên
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có hiệu lực từ ngày 01/7/2015;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần 28.1 đã được thông qua ngày 27/4/2018;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TCT ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Chủ tịch - Tổng Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28 về việc cử đại diện quản lý vốn Nhà nước của Tổng công ty 28 tại Công ty cổ phần 28.1;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-TCT ngày 29 tháng 03 năm 2022 của Chủ tịch - Tổng Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28 về việc cử đại diện quản lý vốn Nhà nước của Tổng công ty 28 tại Công ty cổ phần 28.1;

Căn cứ vào đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của ông Nguyễn Vĩnh Long ngày 30 tháng 3 năm 2022;

Căn cứ vào đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của ông Nguyễn Quyết Thắng ngày 30 tháng 3 năm 2022;

Căn cứ vào đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của ông Nguyễn Văn Tài ngày 30 tháng 3 năm 2022;

Căn cứ vào đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của ông Vũ Sỹ Nam ngày 30 tháng 3 năm 2022;

Căn cứ vào đơn xin từ nhiệm thành viên ban kiểm soát của ông Nguyễn Hữu Phước ngày 30 tháng 3 năm 2022;

Theo quy định của Pháp luật hiện hành và điều lệ Công ty cổ phần 28.1, để đảm bảo nhân sự cần thiết của HĐQT thực hiện tốt công tác quản trị Công ty, và ban kiểm soát Công ty, HĐQT Công ty cổ phần 28.1 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên ban kiểm soát như sau:

1. Xem xét nhân sự từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và ban kiểm sát

- Ông Nguyễn Quyết Thắng, ông Nguyễn Vĩnh Long, ông Nguyễn Văn Tài, ông Vũ Sỹ Nam thôi không tham gia vào Hội đồng quản trị kể từ ngày 31/03/2022 sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 kết thúc.



- Ông Nguyễn Hữu Phước thôi không tham gia vào thành viên ban kiểm soát kể từ ngày 31/03/2022 sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 kết thúc.

2. Đề cử nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT

- Số lượng: 02 Người.

- Danh sách ứng cử viên đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo Điều lệ Công ty:

+ Họ và tên: Trần Doãn Thoan Sinh ngày: 07/10/1968

+ Địa chỉ thường trú: 145/51/20 đường Lê Đức Thọ, Phường 17, quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh.

+ Trình độ học vấn: Đại học

+ Sở hữu: 790.300 cổ phần nhà nước

(đính kèm sơ yếu lịch lịch tóm tắt)

+ Họ và tên: Nguyễn Thiện Sinh ngày: 05/10/1985

+ Địa chỉ thường trú: 688/57/42 đường Lê Đức Thọ, Phường 15, quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh.

+ Trình độ học vấn: Cử nhân QTKD, Kỹ sư công nghệ thông tin

+ Sở hữu: 632.240 cổ phần nhà nước

(đính kèm sơ yếu lịch lịch tóm tắt)

3. Đề cử nhân sự bầu bổ sung thành viên ban kiểm soát

+ Họ và tên: Hoàng Mạnh Cường Sinh ngày: 31/12/1987

+ Địa chỉ thường trú: KP3, Phường Long Bình, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

+ Trình độ học vấn: cử nhân kinh tế - Học viện Hậu cần

+ Sở hữu: 0 cổ phần.

(đính kèm sơ yếu lịch lịch tóm tắt)

Kính mong đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Cổ đông;
- Lưu VT.



Nguyễn Trường Sơn

